

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Chủ nhiệm: Nguyễn-năng-Quốc  
Trưởng hội Phật-giáo  
Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-Số  
Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiến  
Sư cụ chùa TẾ-CÁI

**GIÁ BÁO :** Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Nam mô A-di-đà Phật

# KINH CẢO

## CÙNG CÁC GIÁO-HỮU YÊU QUÝ CỦA ĐUỐC-TUỆ

Đuốc-Tuệ, đến số 98 tới đây là hết năm thứ ba, ngài nào chưa giả tiền, xin kíp gửi về cлио. Ngài nào thôi mua cũng biên thư cho biết, cho tiện việc sổ sách.

Không phiền phải nói nhiều, chắc các giáo hữu cũng đã thấy rõ mục đích của Đuốc-Tuệ, trước là giới thiệu các giáo hữu biết thẳng con đường giác tiến lên, đề tự độ lấy mình, sau là có được một chút lợi nào, thì đề cúng dâng chư tăng thụ dụng tu học, sau này mới có đủ nhân tài ra mà hoằng pháp lợi sinh. Tự lợi mình, lại lợi cho người, dù biết đồng tiền mua Đuốc-Tuệ của các ngài gây thêm tinh-thần lực-lượng cho tôn-giáo Phật hiện đương cần thiết biết là nhường nào! Như thế mà chậm trễ, tất là có nhiều lẽ bất tiện lắm. Mong rằng các Ngài nhất tâm vì Phật pháp mà trả tiền gáp cho. Nếu đề chậm trễ quá, bất đắc dĩ Bản-báo phải nhờ nhà giấy thếp đòi hộ, làm phiền đến các Ngài, xin các Ngài cũng miễn trách cho.

### ĐUỐC-TUỆ

*Cách giả tiền : Các ngài giả bằng tiền thì mua mandat gửi cho M. Cung-đình-Bình N° 73 Richaud Hanoi. Nếu chỗ nào xa nhà giấy thếp, không tiện mua mandat thì mua 25 cái tem 6 xu gói kỹ bỏ vào phong bì gửi giả thay tiền cũng được.*

*Nhà Phật-học nước Mỹ nói  
về đạo Phật Trung-quốc*  
(tiếp theo)

XII. CHỈNH-LÝ LẠI KINH ĐIỂN

Từ khi Ngài Cưu-ma La-thập đến nước Tàu, dịch nhiều kinh-sách, rồi các bậc hiền-giả nổi lên, ngày càng dịch thêm được nhiều mà kinh-diễn Phật của Tàu bèn thịnh-vượng. Nay cứ sách **Vặng lục** 彙錄 năm tây lịch 518 (Tức là sách **Tập-ký** của ông Tăng-hựu nhà Lương) thì đã có tới hơn hai nghìn quyển. Lại đến sách **Vặng lục** hồi 200 năm sau (Tức là sách thích-giáo-lục năm Khai-nguyên nhà Đường) thì đã thêm lên tới 2278 bộ, cộng hơn bảy nghìn quyển. Những thuyết nói trong các kinh sách đó nhiều chỗ trái nhau thực là làm tổn công cho kẻ học sách phải suy xét. Vì vậy mà phát sinh ra mấy vấn-đề như: Làm thế nào mà hiểu thấu được ngàn ấy quyển kinh sách và quán thông được cả nghĩa-lý? Làm thế nào mà rút lấy được những nghĩa mầu nhiệm và cốt yếu trong ngàn ấy kinh sách? Làm thế nào mà chỉnh-lý lại cho có manh mối để cho ai cũng có chỗ mà tra hỏi? Cho được giải đáp lại mấy vấn đề ấy, có ba phái là: Phái Thiên-tông (Dhyana School) về thể kỹ thứ sáu (nhà Lương) phái Thiên-thai-tông (Tien Tai School) về thể kỹ thứ bảy và Mật-tông (Mantra School) về thể kỹ thứ tám. Những phương pháp giải quyết mỗi phái đều khác nhau sẽ thuật tường ở dưới này. Đạo Phật ở Trung quốc ngày nay rất là phức-tạp, mệnh mang mà còn có mối manh có thể tìm xét rõ được là nhờ trải qua những cái kết quả sự giải-quyết ấy.

XIII. — NGÀI ĐẠT-MA Ở TÂY SANG

Sơ-tổ phái Thiên-tông ở Trung-quốc là Ngài Bồ-đề Đạt-ma (Bodhi dharma). Đạt-ma là một vị Vương tử ở cõi

Nam-Thiên-trúc, nối vị tổ sư thứ 18 ở Ấn-độ. Năm tây-lịch 520 (Tức là năm Phổ thông Nguyên-niên đời Vũ-đế nhà Lương) Đạt-ma đến nước Tàu, trụ ở núi Tung-sơn gần hành Lạc-dương. Bấy giờ là lúc ông Tống-vân 宗雲 nước Bắc ngụy đang đi sang tây cầu đạo. Tống-vân đã đến nước Ô-trầnh (Ubyana) và nước Can-đà-la (Kandahar) (Trong sách Lạc-dương Già-lam-ký nói Tống-vân và Huệ-sinh sang Tây-vực lấy kinh được 170 bộ, đến tháng 2 năm Chính-quang thứ 2 thì về nước), những sự tích du lịch của các ông ấy nay đã dịch ra các thứ chữ Anh, Pháp, Đức, làm một món tài liệu rất hệ trọng cho nhà khảo-cổ về Ấn-độ. Thì cũng lúc ấy Đạt-ma đi đường về đến nước Tàu. Ý hẳn lúc đó Phật-giáo ở Ấn-độ đã dần bị Ấn-độ-giáo (Hinduism) lấn lướt, Đạt-ma không ưng ý với cái tình-trạng trong nước bấy giờ, nên Ngài hăng hái bỏ nước mà tìm đi ra ngoài chốn.

Ngài Đạt ma, trạng mạo khôi ngô, tinh thần sáng suốt, nên càng dễ cảm động được sĩ tử nước Tàu. Những nhà sáng tác tư tưởng đời sau, như ông Khuê phong Tông-mật về thế kỷ thứ 9 (Đường), ông Vương-dương-Minh về thế kỷ thứ 15 (Minh) đều chịu ảnh hưởng của Ngài Đạt ma. Ngài, mặt đen kịt mà rậm râu, hai mắt sáng quắc như điện, chân tay cứng rắn nổi lên những lằn bắp thịt, có cái khí phách rất hùng. Ngày nay những tác phẩm về mỹ thuật lưu hành ở Nhật bản vẫn còn miêu tả đến phong độ của Ngài. Từ bức tranh treo ở trong chùa cho đến cái võ, gươm của võ sĩ, thường vẽ tượng Ngài vào.

Còn tăng giới ở Trung-quốc đến bây giờ vẫn lấy Ngài Đạt-ma làm cái đích của sự tu tiến viên mãn. Ấy ngài Đạt-ma khiến cho người ta hàm mộ đến như thế.

Khi tôi đến chơi nước Triều-tiên, có người tặng cho tôi là « Đạt ma tây lai », tôi lấy làm một sự rất vinh dự. Người đời người ta ví ngài Đạt ma như vị vương tử, Ma-sây-đà (Mahinda) con vua A-dục (Asoka) đến xứ Tích-lan mở mang Phật giáo, và ví với vị Kha-lâm-há (Columba)

cũng thời ấy tuyên dương đạo Gia-tô, ở đảo A-nhĩ-lan. Thi những lời ví đó cũng là đáng chú không phải là quá khen.

XIV. — THUYẾT « BẮT LẬP VĂN-TỰ »

CỦA PHÁI THIÊN-TÔNG

Đạo của Đức Thích ca lập ra là không cần viết sách, không cần tờ chữ, chỉ an bần lạc đạo đề cầu về sự tu chứng mà thôi. Vì vậy mà được khắp loài người tín-ngưỡng một cách nhiệt-liệt. Nay lòng thành-đốc của Ngài Đạt-ma cũng không kém gì đức Thích-ca. Ngài Đạt-ma lại trăm-mặc ít nói, không nói thì thôi chứ đã nói là ai cũng phải sợ phục. Cho nên Ngài mở ra được tông-môn ở Đông-phương và có cái vẻ đặc sắc. Lúc bắt đầu Ngài đến đất Kiến-khang, vua Vũ-đế nhà Lương hỏi Ngài từ khi vua lên ngôi đến nay, làm chùa, viết kinh, độ cho tăng chúng không biết bao nhiêu mà kể. Như thế thì có công-đức gì không?

Ngài Đạt-ma thưa rằng : « Đó chỉ là cái quả nhỏ ở cõi nhân thiên, như cái bóng in với cái hình, tuy có đấy mà không phải là thực ».

Vua hỏi : — Vậy thì thế nào mới là công đức thực ?

— Trí-tuệ thanh tịnh rất mau nhiệm viên mãn mà tự thể vẫn hư không vắng lặng.

Ngài Đạt-ma giả lời như thế, vua lại hỏi :

— Thế nào là đệ-nhật-nghĩa của thánh đế ?

Ngài Đạt-ma đáp :

— Rộng rãi bao la còn có chi là thánh.

Vua lại hỏi :

— Thế đối với trăm đây là ai ?

— Không biết.

Ngài Đạt-ma thưa như thế, nhưng vua không hiểu. Ngài biết cơ duyên không hợp bèn đi sang đất Lạc-dương, ở lại chùa Thiếu-lâm núi Tung-sơn.

Cuộc chuyện hôm ấy rồi khởi ra nhiều lời đàm luận cho

người đời. Đến nỗi Nhật-bản có một nhà cho là « con voi lớn không thể đồng quần với con thỏ nhỏ được ». Song phải biết những lời dạy bảo trong kinh điển vốn là để khuyên người ta làm long tượng trong cửa Phật thực, nhưng về Ngài Đạt-ma thì cho ngài là « hành Bồ-tát đạo », không bằng gọi ngài là « hành A-la-hán đạo ». Và vua Vũ-đế rớt tin đạo Phật, xả thân thọ giới, há phải là hạng tiểu thủ đầu, ngài Đạt-ma sở dĩ bài xích lời vua một cách công nhiên như thế, là muốn cho vua biết tới chỗ công đức chân thực, là không cần phải tìm ở ngoài. Vì, nếu u minh đã không chứng ngộ được điều gì thì hết thấy mọi việc, hết thấy kinh giao, đều là vô dụng cả. Hiểu như vậy thì mới hiểu tới cái chỗ cái lẽ không hư yên lặng của bản thể, mà sự giác ngộ tối cao là càng phải biết rằng ta với thế-gian đều là hư huyền cả. Nếu mà cầu pháp ở ngoài nơi tâm thì cũng như cách bắt gió đuổi bóng, không có thể được bao giờ. Mà hết thấy mọi sự như cầu cúng, như hổ thối, như học tập, như tìm lời cứu cánh đều là sự hư huyền cả. (Lý-nhất-Siêu tiểu chú cho câu này rằng : Cái nghĩa « Cứu-cánh là hư-huyền » là chỉ về phương diện mê trấp kia mà thôi). Ấy cái tông-chỉ của ngài Đạt-ma là như vậy. Xem những lời ngài ứng phó cho ông Tuệ-khả thì càng thấy rõ.

Ông Tăng Tuệ Khả cũng gọi là ông Thần-quang. Lúc ông còn nhỏ đã học thông mọi sách thế gian đến khi lớn chuyên tập về kinh Phật. Nghe được chỗ ngài Đạt-ma trụ chi, ông Khả liền đến tham-đạo. Bấy giờ gặp khi mưa tuyết xuất đêm ngày, ông Khả cứ đứng ở giữa sân. Mãi đến sáng mai, tuyết lấp ngập đầu gối mà cũng chưa được ngài Đạt-ma dạy bảo cho câu gì. Ông Khả hèn chặt cách tay đi và cầu khẩn rất bi ai, khóc rằng : — « Xin Hòa-thượng mở từ bi lượng cả mà độ cho con ».

Ngài Đạt-ma thương tình mới hỏi rằng : cầu việc gì ?

Ông Khả thưa : — Thế nào là pháp ấn của chư Phật, xin Ngài dạy cho.

Ngài Đạt-ma đáp rằng : « Pháp ấn của hư Phật, người ta không ai học mà biết được ».

Ông hỏi thưa : - « Con chưa an được tâm, xin thầy yên tâm cho ».

Ngài Đạt-ma bảo : - « Thì đem tâm ra đây, ta an tâm cho ».

Ông Khả nghĩ giờ lâu rồi thưa : - « Con tìm không thấy tâm ở đâu ».

Ngài Đạt-ma nói : - « Thế là ta an tâm cho ông rồi đấy ».

Ông Khả nghe nói bèn cả lỉnh ngộ. Bởi vì trước kia trong tông đồ đạo Phật đều mơ màng không ai hiểu thế nào là nơi tâm ấn chứng ngộ của đức Thích-ca. Đến nay ngài Đạt-ma mới truyền lại cho ông Tuệ Khả.

Thế rồi ngài Đạt-ma bèn thuyết pháp cho ông Tuệ-Khả về bốn hạnh nhập đạo của Đại-thặng, hiểu cho biết cái lẽ chúng-sinh đều không có « ngã », sự khổ với sự vui là tùy duyên gặp gỡ. Mà cái duyên đó là do ở cái túc nhân nó gây ra, đến khi duyên đã hết thì nó diệt đi. Ngài lại dạy cho ông Khả cách an-tâm mà ngồi trông vào trong vách, phải giữ bền như thế không lúc nào dời. Không phải tùy theo những sự giáo hóa bằng lời nói mà phải phù hợp với đạo một cách âm thầm mới được. Ngài lại phó cho ông Khả bốn quyển kinh, Lăng-già (Lankavatara Sutra) và bảo đó là tâm yếu của đức Như-lai, đó có thể mở bảo cho người đời giác ngộ được.

Coi đó thì biết rằng phái Thiền-tông tuy không cần lập văn tự nhưng không phải chỉ y bạng vào chỗ trống không cả đâu.

## XV. - PHÉP BIỆT-TRUYỀN Ở GIÁO-NGOẠI

Tông-chỉ của Đạt-ma là phép giáo ngoại biệt truyền của đức Thích-ca. Sự thể nhận Phật tính có cái ý nghĩa phổ biến. Trong tâm hết thầy chúng sinh vốn đã có Phật tính. Nếu là được « ngã » và « ngã sở », chút thoát hết « vô-minh » thì liền giác ngộ « bản tính chân như » là tính « trạm

nhiên tự tại. Bản tính chân như ấy có một không hai, nó thông nhiếp được hết thảy thế-gian cảnh giới. Nó tùy theo tâm thể của chúng sinh mà chuyển đi và hiển hiện ra như thực. Muốn biết tính ấy cho được rõ ràng, phải theo cách trực giác mà tự hiểu lấy, chớ đừng nên lấy cái lòng sai biệt mà tìm tòi quanh quẩn.

Thế cho nên trong khi thầy trò truyền-thu chỉ nên đem tâm in với tâm mà thừa đàng ngay lấy. Từ Đức Thích-ca trở xuống lần lượt đều theo cách tâm truyền trực tiếp ấy, mà rồi truyền cho nhau. Đức Thích-ca truyền cho ông Ca-diếp (Kasyapa) là vị sơ tổ. Ông Ca-diếp truyền cho ông A-na (Ananda) là vị nhị tổ. Từ ông A-nan đến ông Hiếp-tôn-giả (Parsva) là vị tổ thứ 11, Mã minh là tổ thứ 12, Long-thụ tổ thứ 14 đến Bà-tu-bàn-đầu (Vasubandha) tổ thứ 21 rồi đến Bồ-đề đạt-ma (Bodhidharma) là tổ thứ 28, là những vị có danh tiếng hơn. Tương truyền khi đức Thích-ca ở trên pháp-hội Linh-sơn, ngài cầm cành hoa để bảo ý chúng. Nhưng bấy giờ chúng đều lặng yên, chỉ có ông Ca-diếp mỉm cười. Đức Thích-ca dạy rằng : « Ta có chánh pháp nhơn tạng, nát bản diệu tâm, là thực tướng mà không có tướng, là pháp môn rất vi diệu, là phép giáo ngoại biệt truyền, không lập ra văn tự ». Ngài bèn phó chức cho ông Ca-diếp. Từ đó cứ đời đời truyền miệng cho nhau, không cần phải kinh giáo gì. Đến khi ngài Đạt-ma ở tây phương sang đây thì « đạo biệt-truyền » bèn thịnh hành ở Trung-quốc.

(còn nữa)

D. N. T.

### Tham thành bị hại

Tiền tài là của ở ngoài thân, lúc sinh ra chẳng ai có được đồng nào, đến chết cũng không đem đi được một tí nào thế mà người ta ở đời quanh năm chỉ tói, suốt cả ngày đêm, thiên phương bách kể, bốn nam thù



bắc, tìm kiếm cửa cải, chất thành kho thà nh đụn kết cục cũng chẳng ra sao.

Đức Như-lai vì thấy cái gốc khổ lớn ấy, muốn khua tỉnh người đời, ngài bèn dẫn một câu truyện cũ, bảo với đại chúng rằng: Đời trước có hai người đi buôn với nhau, một người tên là Mậu, một người tên là Kỷ, hai người kết nghĩa giao du với nhau rất là thân mật. Bấy giờ anh Mậu buôn tơ lụa, mà anh Kỷ thì buôn vàng ngọc, hai người buôn đi người một thì hàng khác, song lúc anh Mậu bán, việc thì anh Kỷ hết lòng thu xếp giúp, khi anh Kỷ bán thì anh Mậu trông nom đỡ, hai người thật không khác chi là thờ chung một mũi còn đến tám điều ăn ở thì mỗi người lại xa cách nhau nhiều lắm, anh Kỷ thì tinh khi thăng thân thật thà dù đối với ai cũng thế, khi có mặt thế nào thì lúc vắng mặt cũng vậy, làm việc gì cũng đều là chính đại quang minh, không hề lừa dối ai bao giờ cả, anh Mậu tuy buôn bán bạn bè gần gũi với người phân minh chính trực như thế, mà cái thói tham lam bần thiêu nó vẫn còn ở trong xương trong tủy không thay đổi được một chút nào. Hôm ấy có một chủ hiệu buôn lớn hỏi mua thứ vàng thật tốt của anh Kỷ, chính thứ vàng thật tốt ấy là thứ không sợ lửa nung, nêi càng nung thì sắc nó càng đẹp, còn thứ vàng giả, hễ bỏ vào lửa là biến sắc, là chảy ngay. Bấy giờ người chủ hiệu kia mặc cả đấu đấỵ rồi đem các thứ vàng và đánh dấu cẩn thận, xong đem bỏ vào lửa thử qua lại một lượt, có dùng mới giả tiền, lúc đó anh Mậu buôn tơ cũng giúp việc cho anh Kỷ, nhân thứ cơ lúc người chủ không để ý anh ta bèn chọn nga lấy mấy thoi vàng đã thử rồi, vội vàng gói vào gói lụa của mình, mắt ngược mắt xuôi chực chạy ra ngõ, sớng may lưới trời chẳng lọt, anh vừa làm bậy tự nhu tiết lộ ngay, ai ai cũng biết. Vì vàng tốt đem đốt ở trong hũy còn chất lửa, anh ta bỏ vào bọc tơ lụa liền bị cháy ngay, anh ta cũng xuýt bị chết cháy, nh ta vừa bị

dau vừa xấu hổ đỏ mặt lên. Người chủ tuy lấy lượng khoan hồng đại độ dung thứ cho anh ta, song từ đây anh ta bị anh Kỷ coi thường và tất cả mọi người bè bạn ai ai cũng chế cười, xỉ-nhục, dường bỏ anh ta, không còn qua một người nào chơi với anh ta nữa, từ bây giờ trở đi, những lúc đêm khuya thanh vắng một bóng một đèn, anh ta ngồi suy nghĩ tự vấn tâm mình lấy làm đau khổ vô cùng, không khác chi đã bị vết sẹo to, không thể cắt bỏ đi được.

Ở trong cửu pháp chỉ cốt nhất sự vun đòng lấy chủng linh bồ-tát, chế định ra giới ba-la-đề-mộc-soa (giới hạnh); trong các điều giới thời nhất là giới sát sinh, mà thứ tức là giới trộm cắp, giới hạnh là cái xe vô thượng pháp bảo đưa người ra ngoài vòng sinh tử. Bất cứ người tại-gia hay xuất gia, tuy một chớp mắt cũng không nên phạm vào các giới ấy, thì mới phải là đệ tử Phật.

Sa môn: Trí Hải

## CÔNG-ĐỨC LÀM CHÙA

TU ĐẠT ĐẠI THẦN NGƯỜI BẮT-HỦ  
TRONG ĐẠO PHẬT

Xem bài dịch của Sư Ông Tổ-Liên dưới đây, chúng ta thấy rằng Phật dạy đến bởi kẻ có công đức thực là ưu. Tu-đạt Đại-thần không muốn một mình chứng đạo mà lại muốn cho nhân-dân trong nước đều chứng-đạo như mình. Vì thế mà Tu-đạt rước hết của cải trở mấy xe vàng mua đất dựng chùa, rước Phật về giáo-hóa cho nhân-dân trong nước khỏi mê-tin, về chính-đạo, tâm địa ấy quý-hóa biết bao, công-đức ấy to lớn biết bao. Cũng do đó mà cái tên hiệu phúc-đức của ông là « Cấp-cô-độc » cùng với kinh Phật cùng thiên-tràng địa-cửu. Sách còn chép nữa: mỗi chùa đều có ban thờ « Đức Chúa »

ở gian bên tiền đường, tức là thờ Tu-đạt Đại-thần để cai-quản tự-viện, theo lời Phật dặn lại đó. Thực là bất-hủ.

Ôi, đời là một cuộc vô-thường, những xe vàng mua đất làm chùa của Tu-đạt Đại-thần tuy đánh giá khá to thực nhưng đã to đâu bằng vương-nghiệp của vua Ba-tư-nặc; có còn dấu-tích gì đâu, nữa là cái số những xe vàng của Đại-thần. Thế mà danh thơm của Đại-thần thì còn mãi ở trong kinh Phật, sự sùng bái thờ cúng Đại-thần cùng đạo Phật cùng lâu dài, coi đó ta biết Đại-thần thực biết dùng tiền, biết việc nên làm.

Nay, Phật tuy tịch mà đạo Phật vẫn còn, đạo còn tức là Phật thường-trụ và bất-diệt. Nhân-dân cõi Việt-nam bây giờ đang mê không hiểu chính-đạo, chìm-dắm không hay tự-lập, khổn-đốn không hay tự-cứu còn gắp mấy nước Sá vẹ khi xưa, chúng ta cần phải đem chính-đạo của Phật mà giác-ngộ cho nhau. Nhưng tuyên-giáo phải có nơi căn-bản. Vậy Chùa Trung ương tự-viện Hanoi đang tiến-hành xây dựng này, tức là nơi tự-viện « Cấp-có-độc viên » ở thành Sá-vẹ đó. Nhưng ai sẽ là Tu-đạt Đại-thần ? ? ?

Lời Tòa-soạn

..

Nước Sá vẹ về chi<sup>2</sup>u vua Ba tư nặc, có quan đại thần tên là Tu-Đạt, vốn là một nhà giàu có, vàng bạc châu báu vô hạn, mà lại bần tình nhân từ, hay cứu giúp những người nghèo thiếu đói rách, những người già nua không có con cháu săn sóc, những người coi cút không có cha mẹ dưỡng dục. Người đời bấy giờ muốn kỷ niệm công đức ấy nên mới đặt tên cho ông là Cấp-có-Độc. Một hôm Tu-Đạt đại thần đến nhà Gi-Hộ đại-thần ở thành Vương xá để cầu hôn cho con, được nghe Gi-Hộ đại-thần nói chuyện nhân địa tu hành và công đức độ chúng sinh của Phật, rồi vui mừng kính phục vô cùng, lập tức đi đến lễ Phật

nghe kinh. Phật liền nói pháp Tứ thánh đố cho nghe, nghe xong chứng được quả Tu-đà-Hoàn, liền ra quy chấp tay hỏi Phật rằng :

— « Bạch Thế-tôn, trong thành Sá-vệ nghe pháp chóng ngộ như tôi được độ bao nhiêu người ? »

— Không được đến hai người như ông đâu. Vì rằng trong thành Sá-vệ nhiều số người theo tà giáo mê tín không hiểu chính đạo tu hành.

— Vậy xin Phật rủ lòng từ bi thương xót tới thành Sá-vệ thuyết pháp, khai hóa cho chúng sinh bỏ tà theo chính.

— Phép người tu hành phải ở riêng cách biệt nhà trần tục, thành Sá-vệ kia không có chùa viện, thì đến ở vào đâu ?

— Bạch Phật, đệ tử xin về làm chùa viện, nhưng không biết quy mô mục thước làm ra thế nào, xin Phật cho một vị đệ tử đến nơi chỉ bảo cho. Phật nghĩ rằng : Thành kia, bọn Bà-la-môn mê tín tà kiến rất nhiều, người nào đi đến cũng không hàng phục được họ mà làm cho xong việc, chỉ duy có Sá-ly Phất vốn là dòng Bà-la-môn, mà lúc tuổi trẻ đã có đủ cả trí tuệ thần thông thì cho Sá-ly Phất đi mới có ích. Phật liền cử ngài Sá-ly-Phất đi với Tu-Đạt đại thần.

Tu-Đạt hỏi ngài Sá-ly Phất rằng : « Đức Thế-tôn đi bộ một ngày được bao nhiêu dặm ? » Sá-ly Phất đáp : được hai mươi dặm. Tu-Đạt cứ tính hai mươi dặm là đặt một nhà khách sạn, rồi dẫn dò người sắp đặt nơi ăn chốn ở cho trang nghiêm chỉnh đốn. Tu-Đạt về đến nhà cúng với Sá-ly Phất đi tìm những nơi đất bằng phẳng, rộng rãi, để làm chùa viện, mà không chỗ nào được như ý, duy chỉ có cái vườn của Kỳ-đà thái tử. Đất bằng phẳng rộng rãi mà rất nhiều cây cối sầm uất. Ngài Sá-ly-Phất bảo Tu-Đạt đại thần rằng : « Trong khu vườn này có thể làm chùa viện được, là vì nó trung độ với thành Vương-xá, nếu làm xa quá thì người đến nghe pháp khó khăn, mà làm gần quá thì huyện nào trở ngại việc tu hành. »

Tu-Đạt nghe nói vui mừng quá phần, lập-tức đi đến diob Thái-tử (tâu rằng : « Tôi muốn mua cái vườn của Thái-tử để làm chùa viện thỉnh Phật về thuyết pháp khai hóa cho dân chúng, bỏ tà quy chính, đổi ác làm lành ». Thái tử cười nói : « Ta từng bán gì mà phải bán đến cái vườn cảnh ». Tu Đạt ân cần nói đến hai ba lần, Thái-tử có ý tham tiếc nghĩ thầm rằng : « Thôi ta nói một giá rất đắt để cho hẳn không mua được ». Thái tử bảo Tu-Đạt : « Ông muốn mua cái vườn ấy, phải đem vàng tốt giải đây vừa thì tôi mới bán cho ». Tu đạt xin vàng, theo đúng giá, Thái tử lại dờ dộng : « Nói bốn chữ không bán đâu ». Tu đạt đại thần nói : « Phép làm Thái tử không nên nói vọng ngữ, nếu vọng ngữ khi trá một mai nổi ngôi Thiên Tử phủ dụ thần dân sao được ? » Thái tử bất đắc dĩ phải bán. Tu-đạt mua được vườn vui mừng khôn siết, vội vàng về nhà sai người sắp se voi se vàng ra giải vườn. Chẳng mấy lúc mà vàng bầy gần khắp tám mươi khoảng vườn, chỉ còn thiếu độ chút ít. Tu-đạt đại thần đương tình đi vay thì Kỳ-Đà Thái tử nghĩ rằng : « Tất nhiên Phật là một vị đại đức, nên người này mới kính của để cúng phụng như thế ». Liền bảo Tu-đạt rằng : « Thôi đừng đem vàng ra nữa ! Vườn thời của ông, cây thời của tôi, hai ta cùng dâng Phật để làm chùa viện ». Tu Đạt được nhờ ấy vui mừng hơn hở, liền về xếp đặt khởi công làm chùa.

Ở thành Xá-vệ vốn có bọn Lục-sư ngoại đạo, nghe thấy việc làm chùa liền sinh lòng đố-ky, đem nhiều chuyện đến tâu vua, vua lập tức cho vời Tu-đạt đến hỏi rằng : « Nay có bọn Lục-sư nói Khanh mua vườn của Thái-tử để làm chùa viện, thỉnh thầy trò ông Cù-đàm về giảng kinh tu đạo phải không ? » — Tâu Bệ hạ phải. Vua nói : Bọn Lục-sư muốn cùng với Phật-tử luận pháp, hễ được họ thì cho làm chùa, mà thua thì không được làm.

Tu-đạt đại thần nghe vua phán bảo bái tạ lui châu, về nhà buồn bã ái ngại. Sáng mai, ngài Xá-lợi-phất đến, thấy

Tu-đạt đại-thần có vẻ không vui hỏi có điều gì mà đại-nhân phiền não như vậy ? - Bạch tôn giế, tôi chỉ sợ việc làm chùa viện không xong, mà đến nỗi phất phiến ; - Có việc gì mà không xong ? Tu-đạt bèn thuật các chuyện của bọn ngoại đạo thỉnh cầu với vua cho ngài Xá-lợi-Phất nghe, và thuật chuyện Lục-sư ngoại đạo kia, tinh thành tu học đã lâu, không biết tôn-giả có thể đấu được không ? Ngài Xá-lợi-phất nói : Giả sử bọn Lục-sư ngoại đạo kia nhiều người như rừng tre ở thế gian này, cũng tha hồ cho họ. Tu-đạt nghe nói biến sâu não ra vui vẻ, lập tức đem lời Xá-lợi-phất vào tâu vua, vua tức khắc truyền lệnh cho Lục-sư biết. Kết quả cuộc luận đạo, bọn Lục-sư thua. Ngài Xá-lợi-phất liền thuyết pháp cho chúng nghe, nghe rồi tùy người nào đời trước có nhiều phúc đức nhân duyên, thì chứng được đạo quả cao, người nào ít phúc đức nhân duyên, thì chứng đạo quả thấp. Dĩ chỉ ta ức đệ-ử của bọn Lục-sư, đều hồi đầu quy y ngài Sá-lợi-Phất mà xuất gia học đạo.

Tu-Đạt đại-thần rước ngài Sá-lợi-Phất về, rồi cùng nhau đôn đốc kinh doanh các việc làm chùa viện, chẳng mấy ngày mà đã kiến-trúc thành một tòa chùa, nguy nga mỹ-lệ, quảng-dại trang-nghiêm, nào là Phật-đường pháp-tọa, trai-thất, tăng-phòng, nhất nhất đều có thứ tự nghiêm-chỉnh cả. Tu-đạt đại-thần liền vào tâu vua đề sai sứ đến mời Phật cùng chúng tăng. Phật cùng chúng tăng nhận lời vua thỉnh đến nước Sá-vệ, mỗi lần Phật đến nghỉ nhà khách tạm, lại thuyết pháp độ được vô số là chúng sinh, chẳng mấy ngày Phật cùng tăng đến nước Sá-vệ, vua qua muốn dân nô nức đến đón rước lễ-bái, rồi nghinh tiếp Phật cùng chúng tăng vào chùa viện của Tu-đạt đại-thần mới làm, Phật lên pháp-tọa phóng hào quang soi khắp cả ba nghìn cõi đại thiên thế-giới, tự nhiên có tiếng âm nhạc ở trên hư không vang động cả chùa viện thành quách bấy giờ những người mù điếc, câm ngọng, gù còng, què-quặt, đều được khỏi cả, nhân dân bất cứ trai gái

trẻ già, được thấy diễm lạ như thế, mười tám ức người hết đều hớn hở vui mừng đến noi lễ Phật. Đức Thế-tôn liền xem xét tâm tính và cơ-duyên của chúng-sinh để thuyết pháp; cũng như là thầy thuốc xem mạch lạc của bệnh nhân mà chữa bệnh. Khi Phật thuyết pháp cho đại chúng nghe, cũng tùy căn cơ duyên phúc mà chứng đạo quả cao thấp, và đều phát tâm vô thượng Bồ-đề, tuân theo phép Phật giáo-hóa tu-hành. Phật bảo ngài Át-nan rằng: Cảnh chùa này, vườn đất thời của Tu đạt đại thần, cây cối thì của Kỳ đà Thái-tử, do hai ông đồng tâm sáng tạo lên chùa viện này, thời ở đầu kinh chép rằng: « Nhĩ thời Phật tại Sá-vệ-quốc, Kỳ-thụ, Cấp-cô-độc viên ». Nghĩa là khi Phật nói kinh này ở nước Sá-vệ chính là nơi chùa viện cây ông Kỳ, vườn ông Cấp-cô-Độc, là bản ý của Phật muốn để cho muôn nghìn đời sau, các đệ tử đọc đến kinh là nhớ đến công quả, phúc đức, thành danh, sự nghiệp vĩ đại đệ nhất của hai ông trong giáo. Ngài Át nan cùng đại chúng nghe Phật dạy bảo, hết đều y giáo phụng hành. Về sau ở các chùa viện hay dựng bia kỷ niệm công đức, của các nhà có công duyên, cũng là do theo ý Phật dạy, ngài Át-nan đem tên Kỳ đà Thái tử, Tu đạt đại thần đề lên đầu kinh.

(Sư tích này lược trích ở trong kinh  
Hiền ngu, quyển thứ chín)

Sa môn : TỐ LIÊN

## ĐỨC PHẬT CHÙA LÒNG

Lòng Thế-gian vẫn có một ngôi chùa, mà trong chùa lòng, dù có Tượng-pháp trang nghiêm, có cả hồn chàng-phan, phách bảo-cái la liệt, Phật thường-trụ ở đó rất thiêng liêng, ai tỉnh tâm Phật cũng cảm-ứng chứng hóa. Phật vẫn yêu đương với ai biết Phật. Kia những Huệ-mạnh, Riệu-tâm của đức Như-lai xây thành ngọn

tháp lộng lẫy ở chốn chùa lòng, mà Đạo-mạch phúc nguyên cũng vẫn trong trời không bao giờ bị tắc được.

Nếu ai hồi tâm tu được chính quả ở ngôi chùa lòng rồi sẽ mon men đến miền núi thăm rừng sâu, mới xứng với bó vàng cầu hương nguyện, ai chưa tu được ở ngôi chùa lòng thì tất tả những giốc lộn kè lẩn, mơ màng khăn của cầu con, xướt mướt bờ hồi nước mắt cũng khó thành được công quả.

Chớ giới với Phật há ở đâu xa, ánh hào quang vốn chói lọi ở ngay ngôi chùa lòng đấy. Đã là Phật-tử duy tâm phụng-niệm, hề biết niệm Phật thì bốn giống quỷ kia hết chỗ quấy nhiễu. Bởi vì, hề có cái thiện thì cái ác nó theo. Hề có Phật thì có quỷ nó đón. Bằng ai cầu phúc cầu thiện cầu Phật một lòng niệm niệm chẳng nguôi, thì lũ quỷ cưu-bàng-trà (Kumbhanda), quỷ Tỷ-xá-xà (Riksaka) quỷ dạ-soa (Yaksa) và quỷ La-sát-xà (Raksasa) chúng phải tránh biệt. Dù người ở giai-cấp nào, nghề nghiệp nào, mà chuyên chú khẩu-niệm chữ « nhất » là đều được viên thành phúc quả cả, chỉ e chữ « nhất » nó lại giữ giang, thì chẳng những nhàm lẩn cái cuộc tu hành, lại còn nguy khổ nữa. Xem ngay trong Tam-giáo của các bậc Thánh-hiền. Đạo Lão nói « Bảo nguyên thủ nhất » Đạo Nho nói « chấp trung tinh nhất » Đạo Thích nói « Vạn pháp qui nhất » quả là một giáo-lý không hai. Nay niệm Phật, tưởng Phật, vậy Phật ở đâu, vẫn biết Phật ở phương tây, nhưng xét kỹ ra ở phương tây chỉ có Thế-pách của Phật, chớ cái tinh-hóa màu-niệm của đạo Phật, chưa hẳn ở đấy. Vì Phật khi đản-sinh ở phương tây, Phật cũng là người với chúng sinh, mới có Hạnh mà chưa có Đạo, tuy Phật sinh ở vườn Lam-tỳ-ni (Lumbini) gần thành Giây-tỳ-la Kapilavastu) là thủ đô một nước của rừng Thích-giá (Sakya) về phía bắc Ấn-độ, chân núi Hỷ-mã-lạp-sơn (Himalaya) ngài tức là con vua Tịnh-phạn (suddhodama), ngài lên ngôi Thái-tử, có đủ Tư-cách phi thường,



lại vẫn vô đặc biệt, kỹ nghệ tinh xảo, công nghiệp  
biền dương vô cùng, thế mà ngài chịu uất buồn rầu,  
chẳng đoái đến cái cảnh lầu vàng tạc ngọc, chẳng nhiệm  
cái mối mỹ vị trân hào, chẳng vương víu cái tâm tình  
con yêu vợ đẹp, chỉ mong lột hết cái trần căn cho  
nhẹ, rồi ngài mong cho nhẹ cả cái quả kiếp của khách  
Riêm-phù-đồ, thế rồi ngài trốn đi tìm cái đạo giải-thoát.

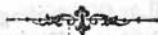
Sách « phở riệu kinh » chép rằng : ngộ đạo, hàng phục  
bết ma vương trên thành chính-giác, dựng đại pháp-  
chàng, độ thoát tam-giới, đã trải qua bốn bậc thiền-  
định (Dhyāna) nghĩa là : ý đã thanh-tịnh là nhất-thiền,  
chuyên tâm bất dịch là nhị-thiền, Lòng bình tĩnh đã  
hiều rõ chân tướng là tam-thiền, không y thiên, không  
phụ ác, không khổ, không vui, bình thân như không, X  
tịch-nhiên không biến là tứ-thiền, đó là đạo vô-vi độ  
thế, bỏ gốc ác, trừ bọng dâm, đoạn các chủng căn,  
không đề ri ngiệp, việc đạo đã thành, trí tuệ đã lớn,  
lúc sao-mai mọc ấy Phật đại ngộ. Phật tìm thấy đạo  
ngay ở lòng Phật, Đó Phật ở nhiều nơi, học lắm  
thầy, lặn lội bao phen, cũng chẳng thấy bờ ích, đến lúc  
ngồi yên tĩnh, thì cái gốc đạo ở ngay lòng Phật mà  
nảy ra, cho nên kinh « Kim-cương đại-thừa » cũng nói  
rằng : Phật bởi tâm mà thành, Đạo bởi tâm mà học,  
Đức bởi tâm mà tích, Phúc bởi tâm mà làm, Họa bởi  
tâm mà gây, một con tâm có thể làm ra được Thiên-  
đường, làm ra địa-ngục, làm ra Phật, làm ra chúng  
sinh. Tâm ấy gieo giống gì vào cũng được, vì cái tâm  
vốn nó không sinh ra, mà cũng không diệt đi, chỉ vì  
kẻ mê người tỉnh đó thôi, vậy nay cầu Phật, cầu Đạo,  
cầu Phúc cũng chẳng đâu xa. Phật chẳng ở ngoài giới,  
Phúc chẳng ẩn hầm đất, Phật với đạo cũng chỉ ở lòng  
người, kẻ tu đạo hay người cầu Phúc, liệu đó mà cúng dàng.  
Ngũ hương là gì ? Là Giới-hương, Định-hương, Tuệ-  
hương, giải-thoát hương, giải thoát Tri-kiến hương,  
(5 nghĩa ngũ-hương, đức-tuệ đã nói trước rồi xin miễn

giải, Lục-cúng là gì ? là Tâm sáng suốt luyện được đạo là (hương). Tinh bát ngọt thơm được đạo là (hoa). gan vững bền tỏ được đạo là (dèn). Phôi thấm nhuần ngắm được đạo là (chè). Thận đặm đà bền được đạo là (quả) Tỷ nảy nở hợp được đạo là (thực) Nói rõ ra nữa, là những tuần hương và sáu thực cúng rành chừ Phật là có sẵn cả ở tinh thần tu tiến trong toàn thân người rồi, chỉ cần dâng món lễ chay là Phật chứng, còn món lễ lục cúng bề ngoài mà thể gian vẫn rùng rùng cúng Phật, nó chỉ là món cúng vật chất làm tiêu biểu bề ngoài đó thôi, nếu nên hương và thực cúng thuộc về tinh thần kể trên, hãy còn bề bộn chưa được thanh tịnh, thì cái món làm tiêu biểu chẳng là sáng cầu vọng tưởng lẫn ư ? là trên Phật đấy.

Hãy nghe lời của đức Đạt-ma thuyền sư, có tuyên hóa rằng « can tạng hỗn tạp, phế ngu phách tình » là hỗn hiện chuyên ở cái tích chốn buồng gan, cái tình hiện chuyên ở cái phách nơi lá phổi. Cái tâm hỗn được yên lặng thì tình tình hiệp hòa mà thấy đạo, bằng dữ tin mà mê, đã si lại biếng thì cái can cái phế tổn thương, cái tình cái tình bị hôn loạn. Phách hết chỗ tựa nương, chỉ chờ cho tan tác với nổi vô thường, vì vậy đã hướng tâm niệm Phật, cầu Phật, thờ Phật, mong ung dung dưới bóng đài sen, cũng nên bỏ hẳn cái (chấp nhân chấp ngã) rồi nhờ phép tam qui ngũ giới, thì Phật mới mở cửa Đại bi cho. Bằng còn liệt chí nóng căn, miệng ra mê, lòng lạnh ngắt thì ngôi chùa lòng lằng lặc cứ xa, mà Phật đi vắng quanh năm bạc giờ niệm thấy Phật. Phật vẫn ngự ở ngôi chùa lòng.

Đêm nào Phật cũng tụng kinh, ngày nào Phật cũng thuyết pháp đấy, hễ yên tâm chí thì nghe thấy đấy.

Tri-huyền-Tử Thiện-Bảo



## Giải-thích nghĩa Luân-hồi

Bài diễn - giảng của ông Nguyễn-huy Đại  
giảng ở chùa Đại thành chi hội Phật-giáo Bắc-ninh

Nam-mô A-di-dà Phật,

Bạch chư Tăng,

Thưa các Ngài,

Hôm nay là đêm tháng bảy, tức là tiết Trung Nguyên hay theo tục truyền, là ngày vong nhân xá tội. Trong khi các nhà đạo đức từ thiện được đức Phật Tò ân thưởng cho những sự khoan lạc về linh hồn, thì cửa Địa-ngục cũng rộng mở, mà bọn ngã quỷ nhờ luật Đại xá của Ngài, cũng được buông cùm thả xích thoát khỏi vòng khổ đốn mà tràn lên Dương thế. Rồi đây, sau những bữa no nê mà chúng được hưởng bất cứ ở chùa nào, chúng sẽ đầu thai làm kiếp khác, trước là chịu một cách nhẹ nhàng hơn những ác quả chúng đã tạo ra trong kiếp trước, sau là nấp dưới bóng vô lượng quang minh của nhà Phật, chúng có thể tu tỉnh lấy mình, mong một ngày kia, khi tội lỗi đã sạch rồi, thiện căn đã tạo được nhiều rồi, cũng được bước lên nơi cực-lạc.

Lúc này, câu chuyện thích hợp hơn cả, theo thiển ý tôi là câu chuyện « Luân-hồi » mà tôi đem trình bày trước cửa Phật và trước tất cả các Ngài đây. Tôi xin thật rằng, đây chỉ là cái kết quả của sự góp nhặt hằng ngày của tôi, chớ trong chỗ nhạ biển, không khỏi có sự lầm lẫn, cũng mong các Ngài lượng cho.

Sao câu chuyện Luân-hồi lại là thích hợp ?

Theo giáo lý của nhà Phật, thì đời người là bể khổ ; nếu ta vụng tu, thì ta chỉ luân quần ở trong bể khổ mà chịu những ác quả của ta đã tạo ra ; ta đắm đuối mãi mãi trong vòng sinh, lão bệnh, tử ; rồi kiếp này sang kiếp khác, không sao thoát khỏi cái vòng luân quần ấy được. Nhưng nếu ta khéo tu, lòng mỗi ngày mỗi trong,

cứ mỗi ngày mỗi sáng, tất chẳng chóng thì chầy, thế nào ta cũng thoát ly được cái vòng luân-quần kia mà tới chốn Niết-bàn, nghĩa là nơi Cực-lạc, cái vòng luân-quần ấy, nhà Phật gọi là Luân-hồi.

Muốn cho rõ, xin các Ngài hãy tưởng tượng một cái bánh xe, vành bánh đầy những bùn lỏng, chốt bánh vững vàng. Nếu ta thông thả quay cái bánh xe ấy, ta thấy rằng những chất hợp lại thành bùn, tuy bánh xe có quay, mà vẫn không thoát ra khỏi vành bánh được. Nếu ta dẫn sức quay thật mạnh, đi thẳng theo các đường bán kính của bánh xe, rồi đẩy những chất hợp thành bùn ra ngoài. Ấy luân hồi cũng tương tự như vậy. Cái vòng bánh xe là biểu hiệu của cái vòng sinh, lão, bệnh, tử, những chất hợp lại thành bùn là biểu hiệu của chúng sinh. Nếu chúng sinh biết đường tu, làm cho bánh xe quay nhanh, cái sức bí ẩn ở chốn bánh xe sẽ phát sinh ra mà đẩy họ ra ngoài vành bánh. Nhược bằng vụng tu, thì cái sức kia không có, hay hoặc có chẳng nữa cũng không đủ dùng, mà họ sẽ luân-quần mãi ở trong vòng, quay hết vòng ấy sang vòng khác, rồi lại quay về chỗ cũ, nghĩa là tự chung không thoát cái bội-kiếp luân-hồi được.

Thưa các Ngài,

Bạn tội-nhân tôi nói ở trên kia, hiện đương ở trong vòng luân-hồi, nên tôi nói rằng bạn về luân-hồi trong lúc này là thích-hợp là nghĩa thế.

Hừc Thích-Ca Mâu-ni, muốn cho bạn đệ-tử, cùng tất cả chúng sinh biết rằng luân-hồi là có, bèn đem những chuyện về tiền thân của ngài mà kể ra để làm minh chứng, những chuyện ấy nhiều lắm. Đây tôi chỉ xin kể vài chuyện mà tôi đã đọc ở trong bộ « Văn minh Đông á » của ông Grousset là một nhà khảo cứu người Pháp, để hầu các ngài nghe. Đức Phật dạy rằng : « Một kiếp kia, ta là con voi sáu ngà. Ta là chúa tể trong đàn voi. Bạn ta, một con voi cái, ghen với một con voi khác,

định lập kế báo thù ; nó bèn không ăn không uống đến nỗi chết đói, đầu thai vào làm con gái vua xứ Bénarès. Vị công chúa ấy sai người đi săn con voi chúa, tức là ta, để lấy sáu cái ngà. Người lính được cử đi săn, ăn mặc giả làm nhà sư tìm đến nơi ta ở. Lúc gặp ta thì ta đương lững thững một mình bên cạnh hồ sen. Nhà sư giả ấy liền dương cung bắn ta. Mũi tên có tẩm thuốc độc, ta đau lắm, những muốn nhẩy sỏ lại tóm lấy kẻ thù của ta mà quật chết tươi. Nhưng ta cố nén lòng giận, ngăn cản bọn voi đi hầu ta đừng làm hại người lính ấy. Khi ta đã biết rằng công chúa sai tên lính ấy đến để hại ta, thì tự ta bẻ ngà của ta giao cho nó mang đi rồi ta chết đi mà hóa làm kiếp khác.

Một kiếp khác ta là một con thỏ sống ở giữa rừng. Ta ăn cỏ ăn cây, ăn hoa ăn quả, không làm hại ai cả. Cùng ở với ta có một con hươu, một con cáo và một con dái cá. Ta dạy cho chúng biết phải làm thế nào cho tròn bổn phận, thế nào là điều thiện, thế nào là điều ác. Bỗng có một ngày, một người gầy còm ốm yếu đến xin ta cho ăn. Ta liền bảo rằng : « Nhà ngươi đi nhặt củi rồi nhóm lửa lên cho ta. Rồi ta sẽ cho nhà ngươi một món ăn rất quý ». Khi lửa đã cháy đều, ta liền nhẩy vào giữa đống củi. Ngọn lửa kia đã làm êm dịu tấm lòng thương người của ta, như người đang tức bực vì nóng nực mà được tắm nước ao trong vậy. Thế là này da, này thịt, này xương, này tim, toàn thân ta ta hiến cho người đói khát ấy. Ta chết đi lại hóa ra làm một kiếp khác. Một lần ta hóa sinh làm vua loài hươu. Bên rừng ta ở cùng với loài cùng giống, có một ông vua thích đi săn. Một hôm ông dẫn lính tráng đem súng ống đến vây rừng săn ta và bọn ta. Bọn ta lùi mãi đến bờ sông Hằng-hà. Ta nghĩ được một kế, lấy hết sức bình sinh nhẩy vọt qua sang bờ bên kia sông, trước khi nhẩy ta đã lấy một cái dây thật dài, buộc một đầu vào ngang lưng, cái dây ấy đã nghiễm nhiên là một cái cầu, bọn ta leo được cả sang, nên thoát nạn, duy một mình ta trượt chân ngã xuống, cả bọn dè lên mà chết.

Trước khi thành Phật ta hóa sinh là một ông vua nhân đức tức là vua bọn dân Ai-li, muốn thử lòng ta, vị thần Indra hóa làm một con diều bâu đuổi theo một con bồ câu. Hết đường chạy, con chim bồ câu trốn vào lòng ta. Con diều-bâu cũng sà xuống đòi lấy nôi, bảo rằng không ăn thì chết. Không biết cách nào mà cứu con chim ấy, ta liền cắt một miếng đùi ta ra, thề mạng cho nó, nhưng chao ơi! bắc cân lên thì con chim nặng hơn miếng thịt đùi ta nhiều, càng thêm mà con chim càng thấy nặng, đến nỗi ta phải hiến cả thân ta để cứu con bồ câu ấy. Bấy giờ ông Indra mới hiện lên, và sau này ta mới đầu thai mà nên Thích-Ca mâu sĩ Phật.

Theo những chuyện kể trên, thì đức Phật tổ, trước khi tới nơi Cực lạc, thực đã bao lần lặn độn trong kiếp luân-hồi.

Nhưng luân hồi có thật hay không? Đó là một vấn đề ai cũng muốn giải quyết. Thoạt mới nghe nói đến luân hồi, ai cũng hoài nghi, cho là chuyện mơ hồ không cần cứ. Da chi dĩ, bọn chúng ta hiện sinh trưởng ở trong đời khoa học, trí thức triết và trí tình nhuệ đã bắt buộc ta chỉ được tin những sự gì có sắc chứng hiển nhiên, và đem lại cho ta một cái tinh thần lòng dưỡng dấy những sự vô cơ vô bằng, hư vô huyền ảo. Cái gì không tỏ rõ như một với một là hai, hai với hai là bốn, thì ta nhất định không tin, nhưng nếu ta chịu khó tìm những hiển chứng ở trước mắt, những lý thuyết sắc đáng mà cất nghĩa hai chữ luân hồi, thì ta có thể tự phụ rằng ta nói không ngoài ta hểo rằng luân hồi là có.

Những hiển chứng, những lý thuyết ấy là gì?

Muốn được phân minh, tôi xin chia những chứng cứ ra làm ba phần thuộc về ba phương diện. 1.) phương diện khoa học. 2.) phương diện kinh nghiệm. 3. phương diện triết lý.

### 1. VỀ PHƯƠNG DIỆN KHOA HỌC

Ta nên nhớ rằng động vật có thể biến hình thể được mà không chết;

Thân thể người ta là gì? có phải là do hai giọt khí-huyết hợp lại mà thành ra không? Hai giọt khí-huyết ấy lúc đầu tụ lại chỉ là một điểm con con, dần dần biến hóa mãi ra, nào chân, nào tay, nào mặt, nào mũi, ba tháng mười ngày mới thành hình người mà ra khỏi bào thai.

Con nhái bén, lúc mới sinh là cái gì? chỉ là một quả trứng con quả trứng ấy nở ra một con sâu ta gọi là con nong nóc. Con nong róc sống ở trong nước thờ bằng gò dần dần hai chân sau mọc ra, rồi đến hai chân trước, khi cái đuôi đã rụng đi thì đôi gò biến đi, mà cái phôi thay vào làm cơ thể của sự bỏ háp. Từ lúc ấy con nhái bén không những sống ở trong nước lại có thể sống ở trên cạn được.

Con muỗi thoát kỳ thủy cũng là một cái trứng, trứng nở ra sâu, tục danh là bọ nước hay cung-quăng; con bọ nước sống ít lâu thì lột ra mà thành con muỗi con muỗi không thể sống trong nước được nữa, nhưng có cánh nó có thể sống ở trên không trên cạn, thức ăn cần của nó không phải là những chất vơ vẩn trong nước nữa mà lại chính là huyết của loài người.

Ta vào trong một nhà nuôi tằm nếu ta theo sự biến hóa của con tằm mà xem ta sẽ thấy rằng con ngài sinh ra trứng, trứng nở ra tằm, tằm ăn dâu nhả tơ làm thành kén, rồi nằm trong kén hóa thành con rặng, con rặng lại hóa ra con ngài cần tở kén mà bay ra

Ngoài những giống động vật tôi kể trên đây, còn biết bao nhiêu giống khác, từ lúc sinh đến lúc hóa thay đổi hình thể biết bao nhiêu lần, có một điều ta nên chú ý nhất là tuy hình thể có đổi thay, nhưng con vật vẫn sống, linh tính vẫn y nguyên không có chi là thay đổi cả.

Ta lại nên nhớ rằng nhờ có kính hiển-vi, ta có thể nhận ra rằng trong đám vi-trần, có biết bao loài vi trùng, bình giáng tựa như loài thảo, mà tựu trung lại ăn uống đi đứng như loài động vật vậy.

Chắc trong các ngài đây, có nhiều ngài đã biết một thứ cây, tục danh là cây con gái hay trinh nữ, tiếng pháp gọi là sensitive. Bất cứ lúc nào, hễ ta mó lay vào cành vào lá cây ấy, tức thời bao nhiêu lá đương cứng cỏi tốt tươi bỗng ủ rũ cả lại như là cây héo vậy. Trước cái hiện tượng ấy, tôi dám chắc ai cũng có cái cảm tưởng là cây kia chẳng khác gì một cô con gái, đứng trước một người đàn ông lạ, một câu nói thường cũng đủ làm cho e-lệ thẹn thùng.

Ở bên Tàu và nhiều nơi khác, có một thứ cỏ, thời hường ở trong kẽ lá tiết ra một thứ nước, con ruồi nào thấy mùi cũng phất xà vào ăn, mà hễ con nào xà vào ăn, là hai lá kẹp chặt lại, một lúc mở ra thì con vật vô phúc đã biến đi đâu mất. Cây cỏ ấy đã đánh lừa con ruồi mà ăn thịt nó rồi vậy. Thứ cây ấy người Tàu gọi là hàm-dăng thảo, 含蠅草 lúc là cây ăn ruồi.

Tôi lại còn nhớ mấy lần đọc báo, thấy nói rằng ở châu Phi, trong bãi sa-mạc Sahara có một thứ cây, cành lá dướm dề, bóng cây rất là mát mẻ. Khách bộ hành qua một quãng đường nóng như thiêu như đốt, mà gặp một bóng cây, bên cạnh lại có suối mát, thì làm gì mà không nghỉ chân ngồi lại. Nếu ai cao hứng mà ngủ đi mất, thì cành cây đó dần dần dũ xuống, áp chặt lấy người rồi chẳng bao lâu ông khách bộ hành kia đã hóa ra người thiên cồ.

Ba thứ cây tôi vừa kể đó, tuy không thể cử động ở chỗ nọ sang chỗ kia được, nhưng đứng trước những sự e thẹn, lừa lọc, độc ác kia, ta có thể kháng khái mà bảo là vật không có linh tính được không. Chắc các ngài cũng như tôi đều phải chịu là thực vật cũng có thứ có linh-hồn như loài người vậy.

## 2 VỀ PHƯƠNG DIỆN KINH NGHIỆM

Muốn bác khước cái thuyết có luân hồi, có người viện lẽ rằng người ta không ai nhớ được tiền kiếp của mình, cứ nói ngay trong một đời mình, chán khi làm trước quèa sau, hưởng chi kiếp trước kiếp sau, lại hẳn là hai kiếp.



Nhưng không, hiện thời ở bên Âu Mỹ có nhiều người tu luyện, định thần trí lại về sau có thể nhớ cả các việc ở kiếp trước, lúc thường lúc biến, lúc ẩn lúc hiện, chẳng khác gì mình xem một cuốn phim chiếu bóng, mà người đóng vai chính lại là tiền thân của mình. Đối với những người ấy, sự luân hồi không phải là một thuyết mơ hồ, mà lại là một sự thực như trăm nghìn sự thực khác vậy. Cứ theo như những cuốn sách nói về luân hồi của ông Irving S. Cooper và bà Annie Besant là Lai hội viên hội Thông thiên học bên Mỹ và bên Ấn-độ thì người ta bất cứ ai, hề chịu khó dèn luyện não căn về các phương diện hình thức, tinh thần và gọi chí nhớ của mình trong ít lâu theo một phương pháp nhất định, đều có thể nảy ra một cơ thể cảm-giác khác ngũ quan của mình, mà cơ thể thứ 6 ấy xúc tiếp với não chất khiến ta nhớ lại kiếp trước của ta như là ngày hôm nay với ngày hôm qua vậy.

Trước kia xem chuyện Liễu đại chí đệ thấy nói có người nhớ được ba kiếp, một kiếp người, một kiếp chó và một kiếp rắn, tôi cho là câu chuyện hoang đường, nhưng theo những chuyện kể sau đây, mà nhiều người đã thuật lại và công nhận là có, thì tôi cũng tin chuyện kia không phải là không thực.

Ở Hanoi khi xưa, có một cậu bé 5, 6 tuổi chết. Răm sáu năm về sau, có một hôm cả nhà cậu lấy làm ngạc nhiên, khi thấy một cậu bé chạy vào nhà rồi nhảy sỏ lên gác. Tóm lại hỏi thì cậu nói là nhà cậu đấy, và cha mẹ cậu bé chết kia là cha mẹ cậu. Muốn cậu nói của cậu có chứng cứ, cậu bảo nếu không tin thì đưa cậu lên một cái gác xếp, trong ấy trước kia cậu có cất nhiều những ảnh chè lâu. Cả nhà theo cậu lên thì cậu không ngại ngần gì, đến ngay một chỗ lục một năm ảnh chè đem cho người nhà xem thật. Nghe đầu cậu bé này về sau nhận hối mẹ kiếp trước làm bố mẹ nuôi.

Ở Kiến-an cũng có một chuyện tương tự như vậy. Một cô con gái, con một bà đỡ chết. Cách đó 6,7 năm, bà đỡ

đi qua bờ sông, thỉnh linh một cô bé con một nhà thuyền chài chạy lại, túm lấy áo rồi nhận làm mẹ. Bà đỡ này không nhận thì cô bé bảo rằng không tin, cứ về đào ở gốc tranh trong vườn, sẽ thấy cái khuyên bạc mà trước kia cô giấu chôn ở đấy. Bà đỡ đem cô về nhà, cô chỉ chờ mà đào, thì quả nhiên thấy cái khuyên bạc mà trước kia người nhà bà mất.

Ở trong Nam-kỳ cách mấy năm nay, có một nhà cho con bé ăn thịt, miếng thịt to quá con bé chết nghẹn. Răm bảy năm sau, có một hôm người mẹ đi chơi, thỉnh linh có một con bé chạy đến ôm lấy rồi kể chuyện xưa mà nhận người ấy làm mẹ. Chuyện này hồi ấy, các báo Nam-kỳ có đăng và một vài tờ báo ngoài Bắc ta cũng có thuật lại.

Ngoài ba câu chuyện trên kia, tôi chắc còn nhiều chuyện cũng giống như vậy. Những chuyện ấy có hẳn, cho nên những tiếng kiếp trước kiếp sau thường thường ta vẫn gặp trong cửa miệng những khi ta nói chuyện. Một bà giận chồng, giận con gái : « Rõ cái nợ tiền kiếp », Một nhà tam đa ngũ phúc gồm đủ, thiên hạ khen : « rõ ràng nhà ấy kiếp trước đã khéo tu ». Hai ông bạn đương thân nhau, một ông chết, ông kia viếng ông nợ bằng một câu : « kiếp này đã lỡ, kiếp sau ta lại gặp nhau ». Những cái thí dụ này tỏ cho ta biết rằng sự luân hồi tuy không hiển nhiên, nhưng cũng đã hầu thành một sự thực vậy.

### 3. VỀ PHƯƠNG DIỆN TRIẾT LÝ

Phàm ai đã đề tâm nghiên cứu về sinh lý của loài người đều công nhận rằng : Người ta có sắc thục và linh hồn, Phần sắc chỉ là vật vô tri dùng để cho linh hồn làm nơi căn cứ, nó không thể lâu bền mãi được, bởi thế sau khi người chết thì sắc sẽ hủy hoại đi. Trái lại phần hồn là một vật vô hình nhưng có linh tính, nó vĩnh viễn bất diệt, một chứng cứ hiển-nhiên của sự bất diệt ấy là khi người ta ngủ, thì sắc nằm chờ ra đấy, mà hồn nhiều khi vẫn đi đó đi đây, như lúc người ta thức tỉnh vậy. (còn nữa)

## TÂY - VỰC KỲ

(tiếp theo)

— « Người kia vì ăn quả mà biến cả thân, thì toàn thân là quả cả, coi tuy là đá, mà cái thể vẫn là vật thân linh, nên cho người mang búa đục đến đục lấy một ít lại dùng xem ».

Thị thân vàng mệnh, mang một lớp thợ đá đến, hết sức đục khoét, bị đục đến một tuần, mà chẳng được mảnh nào cả ». Người đá ấy bây giờ vẫn hãy còn nguyên.

Từ đó đi về phía Đông hơn 400 dặm, đến nước Yết-mạt-đi-ki-la (Trung Ấn-độ) tìm lễ các thánh tích. Ở đây có 6,7 ngôi chùa, tăng đồ hơn 300. Từ đó đi về phía Đông, qua sông Căng-già, đi độ 6,7 dặm nữa, đến nước Bôn-na-phạt-dân-na (Nam Ấn-độ) tìm lễ các thánh tích. Ở đây có hơn 20 ngôi chùa, tăng đồ hơn 300, học kèm cả Đại-thừa tiểu-thừa. Về phía Tây cách thành hơn 20 dặm, có ngôi chùa Bạt-kết-bà, đại các nguy nga tráng lệ, tăng đồ hơn 700. Bên đó có cái tháp do vua Vô-ưu xây lên tức là chỗ xưa đức Như-lai thuyết pháp 3 tháng ở đây, thường có hào quang chiếu ra, lại có di tích 4 vị Phật quá khứ kinh hành nữa. Bên đó lại có cái tích xá trong có tượng ngài Quán-thế-âm Bồ-tát, ai chí thành cầu đảo, đều được như nguyện hết.

Từ đó đi về phía Đông-nam hơn 900 dặm, đến nước Yết-ca-noa-tô-phạt-thích-ca (Đông Ấn-độ), có hơn 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 300, học bộ Chánh-lượng phái Tiểu-thừa. Có 4 ngôi chùa giữ lời di-giáo của ông Đề-bà-đạt-đa, không ăn sữa. Bên thành có ngôi chùa Xích-nê, tức là chỗ xưa một thầy Sa-môn đến du lịch nước ấy hàng phục được nhà Đệ-p-phúc ngoại đạo, trước khi đạo Phật chưa truyền tới. Vua nước ấy phục tài, nên làm chùa kỷ-niệm ở đây. Bên đó lại có cái tháp, do vua Vô-ưu xây lên, tức là chỗ xưa Phật thuyết pháp luôn 7 ngày ở đó.

Từ đó đi thẳng về phía Đông nam, đến nước Tam ma-đát-cha (Đông Ấn-độ). Nước ấy ở gần lè lớn, khí hậu ấm áp dễ chịu, có hơn 30 ngôi chùa, tăng đồ hơn 2000 đều tập về bộ Thượng-tọa, các đền từ ngoại đạo cũng nhiều. Cách xa thành 1 quãng, có cái tháp, do vua Vô-ưu xây lên, tức là chỗ xưa Phật thuyết pháp cho người trời luôn 7 ngày ở đấy. Cách đó 1 quãng, lại có 1 ngôi chùa, trong có pho tượng bằng ngọc xanh, cao 8 thước, sắc tướng trắng nghiêm lạ, thường có mùi thơm lạ tự nhiên phát ra, sức nước cả chùa, lại có ánh hào quang ngũ sắc, chiếu thẳng lên trời, ai được trông thấy, cũng phát động tâm lòng mộ đạo rất sâu sa.

Từ đó đi về phía Đông bắc, vào khoảng bên bờ cùng hang núi, có nước Thất-lợi sai-đát-la. Đến góc bờ Đông nam, có nước Ca-ma lãng-ca. Phía Đông có nước Đọa-la bát-đề; đến nước Y-thượng-na-bồ-la. Đến nước Ma-ha-thiệm-đa. Phía Tây có nước Diệm ma-na-chân, cả 6 nước ấy núi cao bề rộng bao la, tuy không đi vào trong, cũng biết được phong tục là hủ lậu. Từ nước Đam-ma Đà-tra đi về phía Tây độ hơn 900 dặm, đến nước Đam-ma lật-đề (Đông Ấn độ) ở gần góc bờ, có hơn 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 1000. Bên thành có cái tháp, cao hơn 200 thước do vua Vô-ưu xây lên, bên đó còn có di tích của 4 vị Phật quá khứ Kinh-hành ở đấy. Bấy giờ nghe nói trong bờ có nước Tăng-già-la (Tầu dịch là Chấp-sư-tử) có nhiều vị Tăng học thấu ba tạng bộ Thượng tọa và hiểu nghĩa Du-già-luận, mà phải vượt qua đường bờ hơn 700 do tuần mới tới. Đang khi sắp ra đi, bỗng gặp vị Tăng ở Nam Ấn-độ khuyên rằng:

— Muốn sang nước Su-tử, không cần đi đường nước, vì trong bờ thường có những nạn sóng gió giữ, được-soa La-sát, nên đi đường nước về phía đông nam xứ Nam Ấn-độ, thì chỉ 3 ngày là tới.

tuy phải bặt thiệp sơn xuyên nhiều, nhưng còn bình ổn hơn. Vả lại đi về lối ấy, lại còn được xem thánh tích trong các nước Ô-đồ nữa.

Pháp-sư nghe lời, liền đi về phía Nam, tới nước Ô-đồ (cõi Đông Ấn-độ), có hơn 100 ngôi chùa, tăng đồ hơn 10 vạn, học phép Đại thừa, cũng có các đườn từ ngoại đạo sen vào. Có hơn 10 cái tháp, đều do vua Vô-uru xây cả. Về phía Đông nam nước ấy giáp bể, có thành Triết-lợi đất-la (Tàu dịch là Phát-hành) thi vào bể, đó là con đường các khách buôn xa qua lại đều nghỉ ở đây. Về phía Nam cách nước Tăng-già-la hơn 2 vạn dặm, mỗi khi đêm khuya trời quang mây tạnh, xa xa trông thấy cái tháp thờ rằng Phật, ánh sáng ngọc châu trên tháp lấp lánh, y như các ngôi sao ở trên trời vậy.

Từ đó đi về phía Tây nam, qua cánh rừng lớn hơn 1200 dặm, đến nước Cung-ngự đà (Đông Ấn-độ). Lại đi về phía Tây nam qua cánh rừng hoang lớn hơn 1500 dặm, đến nước Yết-lăng-già (Nam Ấn-độ), có hơn 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 500 học về bộ Thượng-tọa. Xưa dân cư rất đông, chỉ vì sức phạm một vị Ngũ-thông tiên-nhân, tiên-nhân nổi giận, dùng chú ác độc tàn hại hai người nước lớn, bé đều chết. Về sau các nơi kéo dần đến ở, nhưng vẫn chưa đông. Từ đó đi về phía Tây bắc, chừng hơn 1800 dặm, đến nước Nam-kiền tát-na (Trung Ấn-độ). Vua nước ấy là giống họ Sát-lợi, rất sùng kính đạo Phật yêu quý văn học, có hơn 100 ngôi chùa, tăng đồ hơn vạn, đến từ ngoại đạo cũng nhiều. Về phía Nam cách thành một ít, có ngôi chùa cũ, bên có cái tháp do vua Vô-uru xây lên, tức là chỗ Phật hiện đại thân thông hàng phục bọn ngoại đạo ở đó. Sau khi Long-mãnh Bồ-tát trụ trì chùa ấy, vua nước ấy là Sa-đa-bà-ba rất kính trọng ngài Long-mãnh, cúng dâng rất hậu. Bấy giờ có ngài Đề-bà Bồ-tát ở nước Sư-tử đến cầu-luận đạo. Tới cửa chùa như người

vào bịch. Ngài Long-mãnh vốn đã biết tiếng ngài Đê-bà, mới sai đệ tử múc một bát nước đầy đem ra cửa đưa cho ngài Đê-bà. Ngài Đê-bà thấy đưa nước ra, chẳng nói chẳng rằng gì cả, cầm 1 cái kim bỏ vào bát nước rồi bảo vị đệ-tử đem vào. Ngài Long-mãnh thấy thế lấy làm mừng rỡ quá mà rằng :

— Bát nước troag đầy là tỏ vai đức của ta, họ bỏ kim vào, mới cùng xuất đày, như con người ấy mới có thể cùng bán đạo huyền này được, mới có thể truyền đấng được. Liền sai mời vào. Hai người trò chuyện cực kì vui vẻ, như cá được nước vậy. Ngài Long-mãnh nói :

— Tôi già yếu rồi, làm cho vãng tuệ nhật thêm sống, là cốt ở ông đó ! Ngài Đê-bà đứng giây lễ sát chân ngài Long-mãnh mà rằng :

— Tôi tuy ươn hèn, dám vãng lời từ huấn. Trong nước ấy có một thầy bà-la-môn giỏi về môn học « nhân minh » lắm, Pháp-sur mới dừng lại hơn 1 tháng để học bộ Tập-lượng.

Từ đó đi về phía Nam qua cánh rừng lớn, quay về Đông nam, đi chừng hơn 900 dặm đến nước Ấn-đạt-la (Nam Ấn-độ). Bên thành có ngôi chùa lớn, lộng lẫy nguy nga, đằng trước có cái tháp đá, cao hơn 300 thước do ngài A-triết-la La-hán xây lên. Về phía Tây nam cách tháp hơn 20 dặm có quả núi chọc, trên lại có cái tháp đá, tức là chỗ ngài Trần-na Bồ tát làm bộ Nhân-minh luận ở đấy.

Từ đó đi về phía Nam chừng hơn 1000 dặm, đến nước Đà-na yết-chích-ca (Nam Âu-độ). Phía đông thành áp núi, có ngôi chùa gọi là chùa Phật-bà-thế-la-lăng ; phía Tây cũng áp núi, có ngôi chùa A-phật-la-thế-la-lăng, do các vua nước ấy làm nên từ xưa để cúng Phật. Chùa chiền cực kì rộng lớn, rừng núi cực kì thanh u, thiên thần bảo hộ, hiền thánh qua chơi.

(còn nữa)

如是之人，亦名爲死。復告大眾，若有不敬三寶，及諸持戒有德沙門，如是之人，亦名爲死。復告大眾，若有慳貪嫉妬，憍慢，自不持戒，家內大小，亦復不持，言語麤惡，好傷於人，狂癡懈怠，心意不安，六情不具，少於智慧，不能專正，喜信他語，常懷嫉恚，而自稱譽，過人之善，揚他之非，好自貢高，不能親近沙門梵志，不聞正法，如是之人，亦名爲死。爾時世尊而說偈言：

若人作不善，好行十惡者，心常懷憍慢，不敬於三寶，

不能持淨戒，懈怠不精進，如是諸人等，皆名之爲死。好行諸惡者，所生善惡道，若人行諸善，爾乃得生天。若人不信佛，亦復不行法，行於非法者，是則名爲死。復告大眾，若人得富貴而無憍慢，心意常安，亦不自高，亦不自下，等心一切，視之如已，雖得富貴，心無有異，恒觀無常，不爲已有，過如怨毒，解知諸法，會當有離。既知是已，精勤修習，知一切法，無可依止，於諸名利，不計我，所亦復不著，一切諸塵，當修其心，親近智。



# PHẬT THUYẾT TU MA-ĐỀ TRƯỞNG GIẢ KINH

(tiếp theo)

## HÀN

nư thị chi nhân, diệc danh vi tử, Phật cáo Đại chúng : nư học hữu bất kính tam bảo, cập chư tri giới hữu đức xa môn, nư thị chi nhân, diệc danh vi tử; Phật cáo Đại chúng : nư học hữu khan tham tật đố, kiêu mạn, tự bất tri giới, gia nội đại tiểu, diệc phục bất tri; ngôn ngữ thô ác, hiểu thương-ư nhân, cuồng si giải đãi tâm ý bất an, lục tình bất cụ, thiếu ư tri tuệ, bất năng chuyên chính, hi tín tha ngữ, thường hoài tật khuyển, nhi tự xưng dự, át nhân chi thiện, dương tha chi phi, hiểu tự cống cao, bất năng thân cận, sa môn phạm chí, bất văn chính pháp nư thị chi nhân, diệc danh vi tử, Nư thời Thế-tôn nhi thuyết kệ ngôn :

Nư học nhân tác bất thiện,	Hiếu hành thập ác giả,
Tâm thường hoài kiêu mạn,	Bất kính ư tam bảo,
Bất năng tri tịnh giới.	Giải đãi bất tinh tiến,
Nư thị chư nhân đẳng,	Giai danh chi vi tử,
Hiếu hành chư ác giả,	Sở sinh đọa ác đạo.
Nư học nhân hành chư thiện,	Nư nãi đắc sinh thiên,
Nư học nhân bất tín Phật,	Diệc phục bất hành pháp,
Hành ư phi pháp giả,	Thị tác danh vi tử.

## VIỆT

eon người như thế, cũng gọi là chết : nếu người nào không kính tam bảo, và các vị sa môn tri giới đức hạnh, như thế cũng gọi là chết : Nếu người nào tham lam keo, lặn ghen ghét, kiêu ngồng, tự mình không tri giới, cả nhà lớn bé, cũng không tri giới, nói năng thô tục dộc ác, thích làm hại người, rõ rại lưỡi biếng, tâm ý bồn chồn, sáu căn không đủ, kém phần tri tuệ không hay chuyên chính, hay tin người nói, thường mang lòng ghen ghét đận dữ, chỉ tự khen mình, giấp cái hay của người, bêu cái dở của người, tự kiêu tự đại, không chịu thân gần các thầy sa môn, Phạm chí, không nghe chính pháp, con người như thế, cũng gọi là người chết. Bấy giờ đức Thế tôn lại nói bài kệ rằng :

Nếu ai làm điều chẳng lành,  
 Làm mười điều ác, lnh lnh kiêu ngông.  
 Không kính Tam bảo chi tôn,  
 Không giữ giới luật vẹn tròn tinh nghiêm.  
 Biếng lười không chịu tiến lên,  
 Những người như thế là tên chết rồi.  
 Ai làm sự ác thời thời,  
 Đọa vào ngã ác muốn đời linh đình.  
 Nếu ai làm các điều lành,  
 Đến khi chết lại được sinh thiên đường.  
 Ai không tin Phật làm gương.  
 Lại không tu luyện theo phương pháp mẫu.  
 Làm điều phi pháp cơ cầu,  
 Có thân mà chết đã lâu, mất rồi.

## HÁN

Phục cáo chúng, nhược nhân đắc phú quý nhi vô kiêu  
 mạn, tâm ý thường an, diệc bất tự cao, diệc bất tự hạ, đặng  
 tâm nhất thiết, thị chi như kị. Tuy đắc phú quý, tâm vô hữu  
 dị; hàng quán vô thường, bất vi kị hữu, quá như oán độc,  
 giải tri chư pháp, hội đương hữu lý. Kí tri thị dĩ, tình cần  
 tu tập, tri nhất thiết pháp, vô khả y chỉ; ư chư danh lợi, bất  
 kể ngã sở, diệc phục bất chước nhất thiết chư trần. Thường  
 tu kí tâm, thân cận trí giả.

## VIỆT

Phật lại bảo đại-chúng rằng: Nếu người nào được hưởng  
 cảnh giàu sang mà không có lòng kiêu ngạo nhưn láo, lòng  
 ý thường yên ổn, cũng không tự cao, cũng không tự hạ, tâm  
 lòng bình đẳng, coi hết thầy như mình. Tuy được giàu sang,  
 không đổi lòng khác, thường xem xét lẽ vô thường, không nhận  
 là của mình đã có, lại coi nó tệ hơn là kẻ oán thù độc; Hiểu  
 biết mọi phép, hợp sẽ có lia, đã biết như thế rồi, liền chăm  
 chỉ tu tập cho tinh, biết rõ hết thầy mọi phép, không thể nương  
 tựa được. Đối với danh lợi, không tính chi là chỗ của ta, cũng  
 không say đắm hết thấy các thứ trần dục, thường chăm tu tâm,  
 thân gần bậc trí-giả.

(còn nữa)

# VĂN - UYÊN

## TÂM LÒNG TỬ-BI



Cùng là một giống chúng sinh,  
Cùng ta cùng thể cùng linh khác chi.  
Phải nên mở bụng tử bi,  
Sớt thương chúng nó u mê ngu đần.  
Dám khuyên người ở thế gian,  
Giữ giới sát, cứu muôn vãn sinh linh  
Quả hay yếu vật như mình,  
Thì đừng ăn thịt mới thành đức nhân.

Tiêu học sinh Thanh Nhâm

### CẢM TÁC

Cơ huyền diệu nhiều phen chuyển biển,  
Cuộc tuần hoàn lắm chuyện giờ hay.  
Sét xem đương cái buổi này,  
Càng cao danh vọng càng gây oán thù.

Hưởng mình đã thanh tu đầu Phật,  
 Còn thóc tiền lật dật mà chi  
 Một hai Tờ ấn duy trì  
 Dè dàu thể thái thị phi nực cười.  
 Ngồi linh lại khúc nhói sau trước,  
 Bấm cuộc đời phỏng được là bao ?  
 Mừng vui trợn lẫn kêu gào  
 Bề dàu dàu bề mẩy tao bầy trò.  
 Mãng vui thú rừng nho bề thích,  
 Lấy kế kinh nhuận ích tâm thần.  
 Mong ngày vượt bề tràm luân,  
 Sa nơi trần lụy, qua luân đảng cay.  
 Mặc miệng thể rằng hay rằng giờ,  
 Trí ihanh tu bao thừa đời rời.  
 Trẻ thơ dàu dám chán đời,  
 Hiềm sầu chỉ bởi lòng người bạc đen  
 Truyện dĩ-vãng muốn quên không được,  
 Cuộc tương-lai linh bước còn dài.  
 Một thiên tâm sự cảm hoài,  
 Tương tri nam bắc ai người thấu chăng ?

Thái-Hòa

### KHUYẾN HIẾU CA

Dịch theo nguyên bài thơ trường thiên bằng  
 chữ Hán của Vương trung-Thủ đời Đường

Hiếu là vận sự khởi nguyên,  
 Thi thư sách cũ, lưu truyền thiếu chí.  
 Người mà ở chẳng trọn nghì,  
 So cùng súc vật, hơn gì mấy mươi.

Qué mùa xin kể mấy lời,  
 Vì người dẫn bảo, vì người răn khuyên ;  
 Kể từ hinh thề chua tuyền,  
 \* Cửu mang bụng mẹ, mười phen trắng tròn,  
 Quán bao xương thịt héo mòn,  
 Một hơi hoi-hóp, mẹ con chung đồng.  
 Khi đã đủ cánh đầy lông,  
 Nặng nề mình mẹ, khôn mong bền cầm.  
 Cha vì mẹ, cũng thương thâm,  
 Vạ cùng chồng, những làm dầm khóc than.  
 Chỉ e sinh-sản nguy nan,  
 Thán này chắc phải theo đoàn quỷ-môn.  
 Một mai trông thấy mặt con.  
 Mới hay mình mẹ vương tròn từ đây ;  
 Thành tâm chăm chút mấy may,  
 Hết lòng nuôi nấng, đêm ngày chẳng ghé.  
 Mẹ nằm giường chiếu ướt mề,  
 Con nằm chấn nệm tứ bề khó khan.  
 Tanh hơi chẳng chút từ nan,  
 Yếu đau lại phải kêu van Phật trời.  
 Con nằm nghiêng giữa thành thoi,  
 Mẹ đau có dám nằm dài ngủ ngay.  
 Gặp khi con khóc bầy rầy,  
 Một mình thao thức, canh chầy đêm đông.  
 Cùng con chăm chước đều dùng,  
 Gáy hờn chẳng dám động lòng chút chỉ.  
 Một năm vừa đoạn bay đi,  
 Mười con té bở phòng giề luôn luôn.  
 Vật ăn hơi có ngọt ngon,  
 Mẹ dành nhịn miệng cho con vui lòng.

Móm mem kể đã ba đông,  
 Biết bao là của là công cho vira.  
 Nuôi con nhờ có mẫu từ,  
 Còn điều dạy bảo, lại nhờ phụ thân.  
 Một nhà cả mẹ liền con,  
 Phụ thân đều phải chăm phần dạy nuôi;  
 Cha lo con học thua người,  
 Trưởng thành e phải ra vai làm thương.  
 Tuổi vừa nǎm, sáu, thanh dương,  
 Bức thầy lại phải tìm phương dạy bày.  
 Dem con đến tận phòng thầy,  
 Lễ thầy, lễ cầy tháng ngày chăm chuyên.  
 Bạc tiền chẳng quản khó hèn,  
 Sớm hôm cung đốn, lại phiền chăm lo.  
 Con siêng sợ phải óm-xo,  
 Ngu mê, lại sợ phiền lo nhiều bề.  
 Lỗi làm, ra sức giấu che,  
 Sự hay, lại phải tiêu đẽ khắp nơi.  
 Yêu con là bởi tính trời,  
 Chân tình nào phải như người trđ tranh.  
 Chăm nuôi hết tấm lòng thành,  
 Vừa mười lăm, sáu, tuổi xanh đúng tuần.  
 Đúng tuần tới buổi thành nhân,  
 Tơ duyên lại phải ần cần gởi trao.  
 Bạc tiền, lễ vật lổu bao,  
 Tư trang sắm sửa, xiết bao giải giầu.  
 Đêm ngày lưỡng nhữag lo áu  
 Vì con nên phải chực hầu tận nơi.

(còn nữa)

Tâm phương cư sĩ Trần-mạnh-Đàn

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

### Bệnh dịch-hạch ở Mông-dương

Bệnh dịch tả ở Bắc kỳ mấy tháng nay đã hết, ở Trung kỳ cũng vậy. Thi tin báo Đông pháp, ngày 17 octobre 1938, nói ở Mông dương, một sở mổ về vịnh Bắc kỳ, mới phát ra bệnh dịch hạch, có nhiều người bị và chết. Nay sở mổ ấy đã cho tiêm thuốc chữa và phòng bị cho dân phu.

Bệnh dịch hạch trông chết hơn bệnh dịch tả. Kẻ bị bệnh phát nóng sốt quá độ và phát hạch ở bẹn, nách, có khi vài giờ đã chết. Truyền bệnh ấy nhất là do loài chuột, vì nó hay đi chui lủn bị phải vi trùng dịch hạch nước mà truyền cho người. Cho nên trước đây, mỗi khi có bệnh dịch hạch, Nhà nước súc dân trừ chuột, thấy xác chết phải đổ vôi, trôn sâu. Vậy nay ta nên coi chừng mà phòng xa loài chuột.

### Một việc phúc đức : dựng quán trọ cho học sinh

Theo gương phúc đức Nam-kỳ, thân-hào hai hạt Thường tín và Paul xuyên tỉnh Hà đông đã rộn được một nơi quán trọ gần trường học công bần học cho học trò ở các làng xa có chỗ trọ lại buổi trưa, khỏi đi về vất vả mà tự hạ hàng quán thì dễ sinh hư. Có bà Lê thị Lan đã quyên ra 500p. để xắm sửa đường chiếu khí cụ nơi nhà trọ, thực là một việc phúc đức. Tưởng các hạt khác nên bắt trước gương sáng ấy.

### Tin nguyệt thực

Có tin nhà Thiên văn học nói đến đêm 7 rạng ngày 8 Novembre này có nguyệt-thực. Được tin ấy có nhiều người thôn quê lo sẽ xảy ra tai nạn gì. Chúng tôi xin nói để độc giả biết rằng nguyệt thực, nhật thực chỉ là cái độ số của mặt trời, quá đất và mặt giăng nó đi gặp nhau đó thôi, không có quan hệ gì với mặt địa cầu mà làm ra tai vạ gì. Cớ sơ người các nước đông tây còn cho là bởi

mặt giới mặt giăng ăn nhau thực, nên họ đánh công gô met để cứu Nhưng từ khi có khoa thi văn học mới biết và nghiệm rõ là do của mặt giới, mặt giăng và quả đất đi gặp nhau chứ không có gì quan hệ với nhân sự. Thì xin ai đừng lo vợ vẫn hoặc dọa nhau cách vô lý nữa.

Tin thêm về số độc đắc 10 vạn,

Ai ngờ cậu Trí đã lừa cha mẹ

Sau hôm 17 Septembre vừa rồi, cậu Trí 15 tuổi, sinh viên ở một trường tư Saigon, con một nhà điền chủ, đã công bố cho mọi người biết rằng cậu trúng số độc đắc 10 vạn. Cha mẹ cậu dù là đại phú mỗ lòng, nhưng với cái bằng trời cho 10 vạn của con, cũng phải mừng và bội phần hi vọng. Với 10 vạn bạc lúc này cho một thanh niên học-sinh, tưởng giắt lấy cái bằng Bác-sĩ, Thạc-sĩ bên tây cũng còn phần lớn để cưới vợ đẹp, lo quan sang cũng không hết. Phương chi lại còn cái phần gia tài \*kêch xù của cha mẹ để lại nữa kia. Chả thế mà, nghe tin cậu Trí được số độc đắc ấy, nào bạn dự hỏi xin tiền, nào bạn vô lại đe dọa cậu xin chia phiếu ấy, làm cho nhà chuyên trách cũng phải bận lòng vì cậu trình báo. Thế mà ngờ đâu, nay vỡ ra số độc-đắc ấy là của tên Chạp Huét người Cao-mên được trúng, tên ấy đã đưa phiếu ra trình kho bạc đích xác rồi, còn cậu Trí chỉ là nói bịa ra đó thôi. Nhưng không phải nói bịa để trưng không với ai đâu, ít nhiều thì cậu cũng có được rồi. Là vì chắc mẫm 10 vạn bạc của con sẽ về tay cha mẹ giữ hộ, thì nay con muốn gì mà cha mẹ chả chiều lòng, nhờ đó cậu Trí đã vừa mới được cha mẹ cưới cho người tình nhân, lại trả cho món nợ 3000 đồng, còn tiêu pha gì nữa chưa kể. Cậu này tên là Trí, thực là tên sừng với người, nhưng nó là trí-trá chứ không phải là trí-tuệ.

Quảng-nam lại lụt lớn

Như Đuốc-tuệ đã thuật, trước đây độ 20 ngày, Quảng-nam đã bị lụt. đồng điền thiệt hại, phố Faifoo phải đi lại bằng thuyền. Nay tình này lại bị lụt lớn. Do từ ngày 15



Octobre nổi mưa bão cho đến 17, cửa nhà đổ ụp, cây gậy ngã nghiêng, nước dâng lên, Tourane Faifoo và toàn hạt Quảng-nam ngập lụt, đường xe hỏa và các đường giao-thông đều bị nghẽn, đến 20 Octobre các đường mới dần dần phơi lên và qua lại được Quảng đường xe lửa Tourane Kỳ-lâm bị vỡ này còn phải đắp thuyền. Huế và Quảng-ngãi cũng bị lụt. Quảng-nam bị lụt đạo trước mắt mùa gặt, bị lụt đạo này mất hết cả mùa lúa tháng 10 này, dân số cơ cực đến đâu.

**Tự do ngôn-luận với làng báo Bắc-kỳ**

Trong xét trình-độ của nhân-dân, ngoài xem cuộc tiến-bóa làm kích thích của các nước, Chánh-phủ Đông-dương đã cho các báo Nam-kỳ được hoàn toàn tự do ngôn luận. Tị với anh em, các báo Bắc kỳ sẽ hội họp đề xin Chính-phủ và bên Pháp cho cùng được hưởng ơn tự do ngôn-luận như Nam-kỳ. Đó là tin của báo Đông pháp ra ngày 21 Octobre. Một việc ích chung, mong các đấng anh đồng-nghiệp thấu-trọng và cố sức đề xin cho đạt mục-đích.

**Kết quả cuộc xổ số Đông-dương tối hôm 12-10-38**

9 giờ tối hôm 12 Octobre 1938, tại nhà hát Tây Hanoi đã mở xổ Đông-dương lần thứ nhất, kỳ phát hành thứ ba.

Kết quả như sau này :

Những vé cuối cùng có 2 con số sau này trúng 10 đồng :  
**64 và 44**

Những vé cuối cùng có 3 con số sau này trúng 25 đồng :  
**589 và 381**

Những vé cuối cùng có 3 con số sau này trúng 50 đồng :  
**618**

80 vé sau này trúng 100 đồng :

138.146	033.810	106.339	045 055	066.973	163 472	183.366
177.050	062.737	114.704	097 949	020.023	181.107	118.357
147.738	015.585	040 026	107 926	161.482	161 767	116.969
004 499	180.867	170.701	195 667	089 379	090 064	184.818
144.443	065.270	138.775	174.407	082 005	126.563	048.534
106 275	122.488	180.001	039.069	109.970	093.653	051.852

074.036 067.892 194.405 103.368 048.144 138.650 117.389  
 033.920 130.671 180.314 064.841 141.664 146.449 119.549  
 191.423 074.305 119.511 082.468 139.712 151.482 021.891  
 173.031 058.746 126.875 120.883 155.693 082.796 013.758  
 034.805 187.345 143.066 006.734 129.501 032.364 033.995  
 105.672 047.512 116.254.

16 vé sau này trúng 500 đồng :

060.358 006.442 107.784 013.197 170.879 171.471 016.473  
 080.595 146.509 079.063 043.563 101.763 060.674 051.179  
 065.488 198.969.

8 vé sau này, trúng 1 000 đồng :

162.938 027.297 072.035 047.429 042.207 048.329 128.504  
 070.419.

Vé trúng 4.000 đồng :

**046.358**

## VIỆC THỂ-GIỚI

### TIN TRUNG-ÂU

#### Hung-Ba với đất đai của Tiệp

Sau hội-nghị Munich, Tiệp đã theo lời đề-nghị của bốn cường quốc bắt ép phải chia cỗi đất cho Ba-lan và Hung-gia-lì rồi. Nhưng nay Ba-lan lại cử-động cho Hung-gia-lì chiếm miền Karpathe của Tiệp. Bà đề nghị 2 vấn-đề, một là cho Hung miền Slovaqui và Ruthènie có dân Hung ở. Hai là cho Hung cả miền Terpathe để cho Ba, Lỗ và Hung có một cương-giới chung. Người ta cho đó là cái mưu của Ba muốn được kết ba nước Hung-Ba Lỗ làm một để trấn đường Đức khỏi lẫn sang những khu đó mà tung-hoành về mặt Đông-Âu, nhưng Đức chỉ ưng cho vấn-đề trên mà thôi. Như vậy thì vấn đề phân cắt đất đai của Tiệp vẫn chưa liểu kết.

Tin Munich ngày 11, ông Hitler đã tiếp ông Chvalkousky ngoại giao Tiệp, Tiệp đã thuận phục về Đức và nói : Một lời của Hitler còn hơn mấy báo hiệp ước của các cường quốc đối với Tiệp. Nam-tư-lập-phu mừng rằng Tiệp đã

thần Đức. Tiếp định đòi chính thể dân-chủ ra chính-thể độc-lài

### Tin ở Nga

Thấy hội-nghị tay tư phân cắt đất Tiệp là nước có quan hệ với Nga, và thấy Pháp bỏ Tiệp là nước liên-minh, nghĩ tới số phận mình không thể tin ở ai được, nên Nga muốn bỏ bạn Pháp trước cho xong. Tin Pargue. 11 Octobre nói một tờ báo Tiệp đăng rằng Nga xé bỏ hiệp ước Nga-Pháp vì cho rằng hiệp-ước ấy không có nghĩa lý gì sau cuộc hội-nghị tay tư ở Munich.

### Với vấn-đề đòi thuộc địa của Đức

Đã được cắt đất của Tiệp rồi, Đức lại tiến lên đòi những thuộc địa của Đức ở Phi-châu mà hai nước Anh Pháp đã phạt Đức và chiếm lấy về sau hồi đại chiến. Nhưng Anh không muốn giã lại những nơi thuộc-địa đã phạt và chiếm của Đức vì Anh Pháp đã tốn bao nhiêu máu đào về trận đại chiến ấy mới được, nên Anh đã một lần đề nghị bắt những nước nhỏ như Bồ-đào, Bỉ phải cắt thuộc-địa cho Đức, song các nước nhỏ ấy nào có nghe và dân Anh là kéo áo người đập chân mình. Nay một tờ báo của Anh, lớn nhất hoàn cầu là « Daily-Express » đã lớn tiếng nói: « Ta không có lý gì bắt Đức không có thuộc địa mãi », và xướng lên ba điều đề giải quyết là: 1. Ta giã lại thuộc-địa cho Đức; 2. Đem các thuộc-địa đó giã cho hội quốc-liên đề hội định giao cho nước nào thì giao; 3. Không giã cho Đức những thuộc-địa cũ ấy nhưng bù cho Đức cái khác. Coi đó thì vấn đề đòi thuộc địa rồi cũng đến như hội nghị Munich mới xong. (Tin ngày 21 Octobre).

### TIN Á - CHÂU

#### Việc sung đột của hai dân Ả-rập và Do thái

Nhân lúc Âu-châu nhiều việc, quân dân Ả-rập độ này lại nổi lên phá hại dân Do-thái ở xứ Palestine. Nơi thuộc Anh cai trị. Quân Anh với dân Ả-rập sung đột to với nhau ở Jérusalem. Hai bên rất thiệt hại, như ngày 17 Octobre, theo tin Đức thì số người chết và bị thương còn

gấp mấy lần số kẻ trong bản thông cáo của Anh là 9 người chết, 20 người bị thương. Quân Anh vây chặt khu phố mà dân Ả-rập kháng cự, dây thép gai, túi đựng đất trắng vòng quanh, tàu bay, súng lớn đàn áp, mà dân Ả-rập nói quân Ả-rập vẫn trốn ra được là vì có đường hầm.

Tin 21 Octobre nói tình hình Jérusalem đã hơi yên, khi Amer trong thành phố ấy vẫn ở trong tay quân Ả-rập, Một đoàn xe lửa trở lình bị bom nổ ở dưới bánh xe nhiều lình bị thương. Cuộc biến loạn này cũng thêm rắc rối cho Anh tại miền Hồng hải.

### TIN TRUNG - NHẬT

#### Quảng châu thất thủ

Sau hội nghị Munich, nhờ Đức giữ Anh lại ở Âu-châu, Nhật thừa thế càng dễ hoạt động tiến gấp ở Đông-á. Ngày 12 octobre, 5 vạn quân Nhật với 120 chiếc tàu và 137 chiếc máy bay đến miền Hoa nam và đổ bộ tại vịnh Bias thuộc phận bề Quảng đông, cách Hương cảng 50 cây số, họ cũng đổ bộ ở Hạ môn nữa. Lúc ở tàu thủy lên bờ, quân Nhật có nhiều thuyền bằng cao su để đáp lình. Quân Tàu cũng có trống giữ, đánh rất hăng nhưng vì thế quân Nhật mạnh quá nên họ tuy thiệt hại mà cố đổ bộ che trôi lọt. Từ đó quân Nhật cứ lần lượt đánh vào Quảng đông, ngày 15 lấy Đạm thủy khỏi Bias 10 cây số, rồi lấy Huệ châu một trọng trấn, phá trận địa Bắc la của Tàu.

Quân Nhật đánh Hoa nam là sư đoàn 11 và 114 cộng 42.000 người Tư lệnh trưởng là Bản trang Phần, còn Tàng-lính thì làm Phó chỉ huy. Bên quân Tàu thì Tỉnh-trưởng Quảng đông là Ngô thiết Thành tuyên bố quyết-chiến, tướng Hà-ưng Khâm vắng lệnh Tướng-giới-Thạch từ Hán-khẩu về Quảng châu sáng, 16 octobre hội tướng lĩnh Lương quảng bàn cách phòng thủ Lương-quảng. Theo binh pháp tây, quân Tàu ở Hán khẩu về đặt phòng tuyến gọi là « Maginot » ở sung quanh thành Quảng-châu

đề cư địch. — Thế rồi hai bên buyết chiến, nhiều trận quân Nhật đánh tràn vào lấy Thạch long, đường xe hỏa Quảng Cửu, thành Tăng thành. Chiều hôm 20 Octobre, toàn quân cơ-giới-hóa Nhật tiến vào lọt cửa đông thành Quảng châu đợi đại đội đến Chiều 21, đại xe tăng Nhật tới thành Quảng châu rồi đại đội đến tiếp sau. Đêm hôm ấy đại đội quân Nhật vào chiếm cứ thành Quảng châu thì quân Tàu đã trút gần hết và đốt phá nhiều nơi công sở. Đánh nhau vài hồi, ngày 22 quân Nhật hoàn toàn lấy được thành Quảng châu. Tổng số quân Tàu chết 4 vạn, quan Nhật chết cũng nhiều lắm.

Thế là một nơi thủ-đô và hầu hết đất trọng yếu tỉnh Quảng-đông, nơi chôn rau cắt rốn, nơi tang tử phần mộ của nhiều yếu-nhân đảng dân quốc Tàu, nơi phồn hoa đô hội, nơi khai thông sớm nhất, nơi giao thông thái học thuật Thái tây sớm nhất, nơi công thương phát đạt nhất của Tàu, lại còn mạch máu lớn nuôi Hương-cảng của Anh, từ nay về tay người Nhật. Chỉ trong 10 ngày người Nhật kéo tràn đại quân vào lấy một tỉnh lớn 746.000 dặm vuông và 32.420000 dân-số, thu cuộc toàn trắng xưa nay chưa từng có. người Nhật họ vui mừng khôn siết, họ ăn mừng, họ đốt pháo, một cái pháo thăng thiên rơi xuống một cái tàu kỹ hạm của Mỹ làm cháy một chiếc máy bay,

### Anh hưởng về Quảng-châu thất-thủ

Mất trận tuyến « Maginot » cũng như chiến lũy « Hanh đấng buya » ở Nam-kinh trước, quân Tàu nói vì trận thế nay rút lên giữ mặt tây Quảng-đông. Có cái ảnh hưởng bởi mất Quảng-châu sẽ lung lay đến đại-cục Á-đông không phải nhỏ. Với cái « chương-trình tráng kỳ kháng chiến » của ông Trương-giới-Thạch, bị gãy mất một cánh tay phải, nào những bạn đồng cửu trọng yếu như Tôn-Khoa, Ông-tinh-vệ v.v. nào những đội quân tinh-nhuệ thế chết để trống giữ Hán-khẩu, đều què ở Quảng-châu, nay sây đản tan ngbé họ sao cho khỏi không nòn nòn trong bụng mà nhụt mất nhuệ khí đi. Lại đường tiếp-lữ

gặp mấy lần số kẻ trong bản thông cáo của Anh là 9 người chết, 20 người bị thương. Quân Anh vây chặt khu phố mà dân Ả-rập kháng cự, dây thép gai, túi đựng đất trắng vòng quanh, tàu bay, súng lớn đàn áp, mà dân Ả-rập nói quân Ả-rập vẫn trốn ra được là vì có đường hẻm.

Tin 21 Octobre nói tình hình Jérusalem đã hơi yên, khi Amer trong thành phố ấy vẫn ở trong tay quân Ả-rập, Một đoàn xe lửa trở lính bị bom nổ ở dưới bánh xe nhiều lính bị thương. Cuộc biến loạn này cũng thêm rắc rối cho Anh tại miền Hồng hải.

### TIN TRUNG - NHẬT

#### Quảng châu thất thủ

Sau hội nghị Munich, nhờ Đức giữ Anh lại ở Âu-châu, Nhật thừa thế càng dễ hoạt động tiến gấp ở Đông-á. Ngày 12 octobre, 5 vạn quân Nhật với 120 chiếc tàu và 137 chiếc máy bay đến miền Hoa nam và đổ bộ tại vịnh Bias thuộc phận bề Quảng đông, cách Hương cảng 50 cây số, họ cũng đổ bộ ở Hạ môn nữa. Lúc ở tàu thủy lên bờ, quân Nhật có nhiều thuyền bằng cao su để đáp lính. Quân Tàu cũng có trống giữ, đánh rất hăng nhưng vì thế quân Nhật mạnh quá nên họ tuy thiệt hại mà cố đổ bộ che trót lọt. Từ đó quân Nhật cứ lần lượt đánh vào Quảng đông, ngày 15 lấy Đạm thủy khỏi Bias 10 cây số, rồi lấy Huệ châu một trọng trấn, phá trận địa Bắc la của Tàu.

Quân Nhật đánh Hoa nam là sư đoàn 11 và 114 cộng 42.000 người Tư lệnh trưởng là Bản trang Phần, còn Tàng-lính thì làm Phó chỉ huy. Bên quân Tàu thì Tỉnh-trưởng Quảng đông là Ngô thiết Thành tuyên bố quyết-chiến, tướng Hà-ưng Khâm vâng lệnh Tổng-giới-Thạch từ Hán-khẩu về Quảng châu sáng, 16 octobre hội tướng lĩnh Lương quảng bàn cách phòng thủ Lương-quảng. Theo binh pháp tây, quân Tàu ở Hán khẩu về đặt phòng tuyến gọi là « Maginot » ở sung quanh thành Quảng-châu

đề cư địch. — Thế rồi hai bên buyết chiến, nhiều trận quân Nhật đánh tràn vào lấy Thạch long, đường xe hỏa Quảng Cửu, thành Tăng thành. Chiều hôm 20 Octobre, toàn quân cơ-giới-hóa Nhật tiến vào lọt cửa đông thành Quảng châu đợi đại đội đến Chiều 21, đại xe tăng Nhật tới thành Quảng châu rồi đại đội đến tiếp sau. Đêm hôm ấy đại đội quân Nhật vào chiếm cứ thành Quảng châu thì quân Tàu đã trút gần hết và đốt phá nhiều nơi công sở. Đánh nhau vài hồi, ngày 22 quân Nhật hoàn toàn lấy được thành Quảng châu. Tổng số quân Tàu chết 4 vạn, quan Nhật chết cũng nhiều lắm.

Thế là một nơi thủ-đô và hầu hết đất trọng yếu tỉnh Quảng-đông, nơi chôn rau cắt rốn, nơi tang tử phần mộ của nhiều yếu-nhân đáng dân quốc Tàu, nơi phồn hoa đô hội, nơi khai thông sớm nhất, nơi giao thông thái học thuật Thái tây sớm nhất, nơi công thương phát đạt nhất của Tàu, lại còn mạch máu lớn nuôi Hương-cảng của Anh, từ nay về tay người Nhật. Chỉ trong 10 ngày người Nhật kéo tràn đại quân vào lấy một tỉnh lớn 746.000 dặm vuông và 32.420000 dân-số, thu cuộc toàn thắng xưa nay chưa từng có. người Nhật họ vui mừng không siết, họ ăn mừng, họ đốt pháo, một cái pháo thăng thiên rơi xuống một cái tàu kỹ hạm của Mỹ làm cháy một chiếc máy bay,

### Anh hưởng về Quảng-châu thất-thủ

Mất trận tuyến « Maginot » cũng như chiến lũy « Hanh đấng buya » ở Nam-kinh trước, quân Tàu nói vì trận thế nay rút lên giữ mặt tây Quảng-đông. Có cái ảnh hưởng bởi mất Quảng-châu sẽ lung lay đến đại-cục Á-đông không phải nhỏ. Với cái « chương-trình tráng kỳ kháng chiến » của ông Tưởng-giới-Thạch, bị gãy mất một cánh tay phải, nào những bạn đồng cử trọng yếu như Tôn-Khoa, Ông-tinh-vệ v.v. nào những đội quân tinh-nhuệ thế chết để trống giữ Hán-khẩu, đều què ở Quảng-châu, nay sây đàn tan ngbé họ sao cho khỏi không nòn nòn trong bụng mà nhụt mất nhuệ khí đi. Lại đường tiếp-lữ

binh lương ở Quảng-dông lên Hán-khẩu là một con đường quan-hệ có một, nay cũng bị đoạn-tuyệt. Đến như Hương-cảng nơi cửa bể buôn bán thịnh nhất không kém Thượng-hải và là độc quyền của Anh. Nay Quảng-dông mất, cửa Hương-cảng không những sẽ bị phớt mà lương thực hằng ngày cung cấp của dân thành phố Hương-cảng cũng hết lối. Như thế trận này Nhật không những thắng Tàu mà còn thắng cả Anh nữa.

### Mặt trận Hán khẩu

Hán-khẩu là một thành rất hiểm yếu, tây-bắc dãy núi Đại-biệt, đông bắc chiều sông Dương-tử, núi ngàn, gồhoh thác bao bọc xung quanh. Lại có nhiều hồ đầm to lớn ở vùng đống bắc này. Nên chi quân Nhật đánh mấy tháng nay, bị chết hại nhiều mà vẫn ở ngoài 200 cây số cách Hán-khẩu về các mặt Từ khi quân Nhật đổ bộ Hoa-nam, thanh thế lừng lẫy, thì mặt trận Hán-khẩu cũng đột nhiên tiến vào nhanh lắm Nhật cho 4 vạn quân đánh Quảng-dông mà phải cho 40 vạn quân đánh Hán-khẩu. Thắng luôn. 4 giờ chiều ngày 19 Octobre, quân Nhật chiếm Hoàng-thạch-cảng còn cách 75 cây số đến Hán-khẩu. Cũng một ngày ấy Nhật lại lấy được Đức-an với một cuộc huyết chiến 84 ngày đòng dã. Lại lấy được Thạch-hội-giao mé bắc sông Dương-tử, nơi có cái mỏ sắt liền với mỏ sắt Đại-giã, là những mỏ sắt xuất sản nhiều nhất nước Tàu, sẵn có 5 vạn tấn quặng sắt và 7 nghìn tấn than. Quân Nhật vây thành trận thế bán nguyệt tiến vào Hán-khẩu. Tin ngày 23, Nhật nói chiến hạm Nhật vào sông Dương-tử, còn cách Hán-khẩu có 15 dặm, và nói Trương-giới Thạch đã dời đi Trùng-khánh. Nhật yêu cầu tàu bè các nước ra xa Hán-khẩu 10 dặm. 15.000 phu xe ở Hán-khẩu đã được Chính phủ giúp cho đi nơi khác. Hơn 1 triệu dân cũng bồng bế nhau đi lánh nạn. Thành Hán-khẩu nay rất tiêu điều và rất nguy ngập.



QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ  
 CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
 TRUNG ƯƠNG

Bà Thảo ở làng Quan nhân . . . . .	0,50
M. Lê kiểm Vinh » . . . . .	1 00
Bà Chắt Đức . . . . .	1.00
» Chắt Ấp . . . . .	0 50
» Nguyễn thị Chí . . . . .	0.50
M. Nguyễn Vũ ở làng Chính Kinh . . . . .	1 00
Cụ Hai 27 Gia-Long . . . . .	5.00
Cụ Tư Boulevard Rollandes . . . . .	3.00
Cụ Ba 42 Miribel . . . . .	2.00
Cụ Le-bet-dê 28bis Ngõ hàng Kèn . . . . .	3.00
Cụ Gi-Da 27 Ngõ hàng Kèn, . . . . .	0.20
Bà Giáo Vũ 61 Jacquin . . . . .	1 00
Mme Lê văn Thuận 104 Amiral Sénès . . . . .	2.00
Mme Nguyễn đức Hỷ 154 Route de Hué. . . . .	4.00
Mme Giáo Mậu 12 Charron . . . . .	1 00
Mme Trần quang Huyền 47 Miribel . . . . .	1.00
Mme Trần xuân Lượng 3 Rue Daurelle . . . . .	3 00
Mme Vũ Gia-Thụy 36 Rue Lê-Lợi . . . . .	3.00
Mme Ba Hàm Long . . . . .	1.00
Đồng Lợi Hàng Gai . . . . .	1.00
Hồng Xi Nam định . . . . .	1.00
Cụ Phổ Nguyên 33 Hàng Gai . . . . .	5.00
Bà Phổ Thịnh 4 Phố Hoàng đình Phong Tourane	3.00
Cụ Tạ thị Hàm Nam định . . . . .	1.00
Mme Tạ Kim Liên 158 Phố Khách Năm định . . . . .	2.00
Mme Bouchon 32 Hàng Kèn . . . . .	5 00
Mme Gioãn 48 Miribel . . . . .	2.00
Mme Hoàn 11 Rue Daurelle . . . . .	2.00

(còn nữa)

TRƯỜNG THUYỀN-HỌC CỬA HỘI  
 PHẬT-GIAO BẮC-KỲ TẠI TRUNG-ƯƠNG  
 ĐÃ CÓ TIÊU CĂN-BẢN

*Hiện đã tậu được bốn mươi một (41) mẫu ruộng tại  
 hạt Phú-dục tỉnh Thái-bình, giá tiền hết linh ba nghìn  
 ba trăm đồng bạc (3300\$00)*

Phường danh quý Cụ và quý Ngài  
 cúng tiền tậu ruộng

Cụ thọ Trung-hậu,	50\$00
Cụ thọ Bằng sở,	50 00
Cụ thọ Tế xuyên.	50 00
Cụ thọ tự Chính đức chùa Thánh Ân.	10.00
Hòa-thượng Phúc chính,	50.00
Cụ Hương sơn Đông chủ,	100.00
Cụ trụ trì chùa Bát mẫu	5.00
Ban tăng già bảo trợ Trung-ương	200.00
M. Văn quang Thụy	100.00
Sư ông vô chủ giúp việc ở chùa Quán-sứ	
Tự Thanh Hòa	6.00
M. Hàn Toại	30.00
Cụ Hội-trưởng Tế-Sinh.	50.00
Trụ-trì chùa Kim mã (Huyện Hoàn long Hadong)	20.00
Cụ Nguyễn thị Nghi Hàng Đường Hanoi	50.00
Bà Vũ thị Hào	1 mẫu
Cụ Chánh Đề Năm.	1 mẫu
Cư tư Hàng bè,	100.00
Cụ Hàn Đại	50.00
Cụ Nguyễn thị Lan hiệu riệu Phúc hàng bông	300.00
Cụ Vô danh	100.00
Ban Hộ niệm Trung ương	100.00
Hiệu T. ấn mỹ phổ hàng Đường.	20.00

(còn nữa)